

MỘT SỐ BÀI VIẾT VỀ CHỦ TỊCH TÔN ĐỨC THẮNG

CHÚC MỪNG ĐỒNG CHÍ TÔN ĐỨC THẮNG THỌ 70 TUỔI

Thưa lão đồng chí,

Hôm nay, chúng tôi rất sung sướng chúc mừng đồng chí 70 tuổi.

Thưa các đồng chí,

Đồng chí Tôn Đức Thắng là một người con rất ưu tú của Tổ quốc suốt 50 năm đã không ngừng hoạt động cách mạng. 17 năm bị thực dân Pháp cầm tù, chín năm tham gia lãnh đạo kháng chiến, bốn năm phấn đấu để gìn giữ hoà bình thế giới và đấu tranh cho sự nghiệp thống nhất nước nhà.

Đồng chí Tôn Đức Thắng 70 tuổi nhưng rất trẻ, đối với Đảng, đồng chí là 29 tuổi; đối với nước Việt Nam độc lập, đồng chí là 13 tuổi.

Là một chiến sĩ cách mạng dân tộc và chiến sĩ cách mạng thế giới, đồng chí Tôn Đức Thắng là một trong những người Việt Nam đầu tiên đã tham gia đấu tranh bảo vệ Cách mạng Tháng Mười vĩ đại.

Đồng chí Tôn Đức Thắng tuy tuổi tác đã cao, nhưng vẫn cố gắng để phụ trách nhiều nhiệm vụ quan trọng:

Trưởng Ban Thường trực Quốc hội,

Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,

Ủy viên Trung ương Đảng Lao động Việt Nam,

Chủ tịch danh dự Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam,

Chủ tịch Hội Việt - Xô hữu nghị,

Chủ tịch danh dự Ủy ban bảo vệ hoà bình thế giới của Việt Nam;

Ủy viên Hội đồng hoà bình thế giới.

Đồng chí Tôn Đức Thắng là một gương mẫu đạo đức cách mạng: suốt đời cần, kiệm, liêm, chính; suốt đời hết lòng hết sức phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân.

Vì vậy, hôm nay chẳng những chúng ta ở đây, mà toàn thể đồng bào ta từ Bắc đến Nam và toàn thể nhân dân thế giới yêu chuộng hoà bình đều vui mừng chúc người lão chiến sĩ cách mạng Tôn Đức Thắng sống lâu, mạnh khoẻ.

Thay mặt nhân dân và Chính phủ, tôi trân trọng trao tặng đồng chí Tôn Đức Thắng Huân chương Sao vàng là Huân chương cao nhất của Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà mà đồng chí Tôn Đức Thắng là người đầu tiên và người rất xứng đáng được tặng Huân chương ấy.

Chủ tịch Hồ Chí Minh

LỜI CHÚC MỪNG CỦA ĐỒNG CHÍ TRƯỜNG CHINH - ỦY VIÊN BỘ CHÍNH TRỊ, CHỦ TỊCH ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI¹

Thưa Chủ tịch Tôn Đức Thắng,

Thưa Phó Chủ tịch Nguyễn Lương Bằng,

Thưa các đồng chí đại biểu Quốc hội,

Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh kính mến qua đời, trong phiên họp trọng thể này, Quốc hội ta đã nhất trí bầu cụ Tôn Đức Thắng giữ chức Chủ tịch và đồng chí Nguyễn Lương Bằng giữ chức Phó Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Cụ Tôn Đức Thắng và đồng chí Nguyễn Lương Bằng là hai chiến sĩ lão thành của cách mạng Việt Nam, những người bạn chiến đấu gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, những người con ưu tú của dân tộc Việt Nam ta. Hai đồng chí được Quốc hội nhất trí tín nhiệm giao cho trọng trách lãnh đạo Nhà nước ta là rất xứng đáng. Sự tín nhiệm của Quốc hội tức là sự tín nhiệm của toàn dân ta. Điều đó làm cho nhân dân ta ở cả hai miền, các chiến sĩ ngoài mặt trận cũng như đồng bào ở hậu phương và bè bạn ta trên thế giới vui mừng, phấn khởi.

Quốc hội xin nhiệt liệt hoan nghênh đồng chí Chủ tịch và đồng chí Phó Chủ tịch mới của nước ta, và xin kính chúc các đồng chí luôn luôn mạnh khoẻ, thu được nhiều thắng lợi lớn trong công tác lãnh đạo Nhà nước, lãnh đạo nhân dân ta xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, tiến tới hoà bình thống nhất nước nhà.

HỌC TẬP GƯƠNG SÁNG CỦA ĐỒNG CHÍ TÔN ĐỨC THẮNG

... Đồng chí Tôn Đức Thắng và một người con yêu quý của dân tộc, một đảng viên gương mẫu của Đảng Lao động Việt Nam.

Cuộc đời của đồng chí là một tấm gương phấn đấu không biết mệt mỏi cho sự nghiệp độc lập dân tộc, cho sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản và nhân dân lao động. Xuất thân từ hàng ngũ giai cấp công nhân, từ lúc còn trẻ, đồng chí đã giác ngộ cách mạng và tham gia lãnh đạo phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam chống đế quốc, phong kiến. Đồng chí đã tham gia cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, chống sự can thiệp vũ trang của đế quốc để bảo vệ nước Cộng hoà Xôviết trẻ tuổi, nêu cao tinh thần quốc tế cao cả của giai cấp công nhân Việt Nam.

Đế quốc Pháp đã bắt giam, đày đoạ đồng chí 17 năm trời ở Khám lớn Sài

¹ Tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội khoá III, ngày 23-9-1969, nhân dịp đồng chí Tôn Đức Thắng được bầu giữ chức Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà

Gòn và nhà ngục Côn Đảo với chế độ khổ sai, khi thì nhốt vào hầm xay lúa, khi thì nhốt vào hầm tối, tay chân bị xiềng xích, cùm kẹp, khi thì cho ăn lúa sống, hoặc bỏ đói, bỏ khát, nhưng tinh thần cách mạng kiên cường của đồng chí trước sau vẫn không lay chuyển. Trong nhà tù, đồng chí luôn luôn nêu cao lòng yêu nước và chí khí quật cường của người công nhân, luôn luôn tin tưởng ở tương lai tươi sáng của dân tộc và của giai cấp, luôn luôn vui vẻ và không bao giờ sao lãng công tác cách mạng.

Cách mạng Tháng Tám thành công, đồng chí ra khỏi nhà tù. Vừa bước chân lên đất liền thì cuộc kháng chiến bùng nổ, đồng chí lại tham gia ngay vào cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc. Mười ba năm nay, ở những cương vị quan trọng trong Đảng, Quốc hội, Mặt trận, mặc dù tuổi cao, đồng chí đã nỗ lực làm đầy đủ nhiệm vụ của mình, cùng Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Mặt trận lãnh đạo nhân dân góp phần quan trọng vào thắng lợi vẻ vang của dân tộc.

Sự cống hiến lớn lao của đồng chí cho nền độc lập dân tộc và hoà bình thế giới đã được nhân dân thế giới kính mến. Đồng chí là người Việt Nam đầu tiên được Giải thưởng hoà bình quốc tế Lenin, xứng đáng là một chiến sĩ xuất sắc của phong trào hoà bình thế giới.

Cùng với tinh thần phấn đấu không mệt mỏi, ở đồng chí Tôn Đức Thắng còn nổi bật lên lập trường vững vàng, chí khí cao cả, đức tính khiêm tốn, giản dị, đó là những gương sáng để chúng ta học tập.

Lê Duẩn -

Cố Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam

BÁC TÔN – NHÀ CÁCH MẠNG BẤT TỬ

... Di sản quý nhất mà đồng chí Tôn Đức Thắng để lại cho nhân dân là chất người Tôn Đức Thắng, sản phẩm tổng hợp của chất hào hiệp Nam Bộ, chất kiên cường và tài năng sáng tạo Việt Nam, chất tiên phong của giai cấp công nhân, chất cách mạng của người yêu nước, người cộng sản, chất nhân đạo của con người.

Tinh túy của chất ấy là lòng thương nước, yêu dân, niềm ưu ái với đồng bào, đồng chí; niềm tin sắt đá vào thắng lợi của cách mạng, mặc mọi khó khăn, gian khổ, tinh thần một lòng một dạ phục vụ nhân dân, đức chí công vô tư quên mình, sự khiêm tốn, giản dị hồn nhiên, trong sáng. Đó là chất cách mạng tinh khiết không gì làm phai nhạt được, từ thuở thanh niên đến cuối đời vượt qua muôn trùng thử thách, ngày càng ngời lên vẻ đẹp đẽ và cao quý.

Riêng tôi có nhiều kỷ niệm về Bác Tôn. Tôi biết Bác Tôn lúc tôi hoạt động trong Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Sài Gòn vào những năm 1927-1929, tuy không có quan hệ trực tiếp với nhau vì hoạt động trong hai tổ chức khác nhau. Sau khi bị bắt vì “vụ án Bacbie”, chúng tôi cùng bị giam ở Khám lớn

Sài Gòn. Đây là thời gian tôi tiếp xúc nhiều với Bác và biết rõ Bác hoạt động trong công nhân xưởng Ba Son và các cơ sở khác ở Sài Gòn. Trong tù, Bác Tôn rất mê đánh cờ tướng.

Từ Khám Lớn Sài Gòn, chúng tôi bị đày ra Côn Đảo, Bác Tôn với án khổ sai chung thân, còn tôi với án 10 năm tù cầm cố, nên khi ở Côn Đảo, chúng tôi hầu như bị cách biệt hoàn toàn. Bác Tôn phải làm việc cực nhọc như mọi người tù khổ sai Côn Đảo lúc bấy giờ. Tuy nhiên, bọn cai ngục rất nể Bác Tôn, bởi chúng biết rõ phẩm chất kiên cường của người chiến sĩ cộng sản này. Theo tôi nhớ, lúc đầu chúng đưa Bác Tôn ra làm cấp rang (caporal) ở Sở Lưới (là người tù phụ trách điều hành công việc của tù khổ sai ở Sở). Đây là nơi tập hợp những người tù khổ sai chuyên đi đánh cá trên biển với những chiếc ca nô gắn máy. Bọn chủ ngục ở Côn Đảo tổ chức ra Sở Lưới và dùng một số tù khổ sai đánh cá chủ yếu để có cá biển phục vụ chúng. Tuy nhiên, đôi khi Sở Lưới đánh được nhiều cá, thì cả tù cầm cố chúng tôi cũng được ăn cá biển. Và, vì những người làm bếp ở trại chúng tôi trước đây đã làm nghề nấu ăn, có người còn là đầu bếp của bọn quan Tây hoặc của khách sạn nên đôi khi có cá, lại có đầu bếp lành nghề, chúng tôi cũng được ăn những món thật thú vị.

Bác Tôn chỉ ở Sở Lưới một thời gian ngắn. Bọn chủ ngục sợ rằng ở đó người cách mạng có nhiều cơ hội hoạt động mà chúng không kiểm soát được, nên đã đưa Bác Tôn vào làm cấp rang ở Hàm xay lúa. Đây là nơi tù khổ sai chuyên xay lúa làm gạo để cung cấp cho tất cả tù Côn Đảo. Tù ở Hàm xay lúa bị nhốt và suốt ngày phải làm việc quần quật trong không khí ồn ào, bụi bặm. Tuy nhiên, làm ở đây cũng có một cái lợi: có thể lấy gạo nấu cơm, nấu cháo (với chất đốt là trấu và bí mật tiếp tế cho anh em đau yếu ở trại khác).

Trong 15 năm Bác Tôn ở Côn Đảo có một lần bọn cai ngục chọn một số người đưa đi đày ở Cayen, một nhà tù khủng khiếp ở châu Mỹ, Bác Tôn ở trong diện bị chọn đưa đi. Trước khi đi, những người tù phải qua khám sức khỏe. Một việc rất lạ đã xảy ra mặc dù sức khỏe Bác Tôn bình thường, nhưng sau khi khám cho Bác, viên bác sĩ người Pháp đã kết luận Bác Tôn không đủ sức khỏe để đi Cayen. Chúng tôi rất ngạc nhiên. Về sau mới biết: viên bác sĩ ấy là một người có lương tâm, chắc rằng ông có biết ít nhiều về Bác Tôn, nên đã nhận xét như vậy để cứu Bác khỏi phải đi Cayen.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Bác Tôn từ Côn Đảo trở về (tôi về trước, từ năm 1936). Chúng tôi lại gặp nhau ở Hà Nội năm 1946. Tháng 5-1946, Chính phủ ta cử Bác Tôn, đồng chí Trần Danh Tuyên và tôi tham gia vào đoàn đại biểu Quốc hội Việt Nam đi thăm thiện chí nước Pháp. Đúng là đoàn đại biểu đi thăm thiện chí. Có điều là thiện chí chỉ có ở phía ta. Ở Paris, chúng tôi không tiếp xúc với bất cứ cơ quan nào có thẩm quyền của nước Pháp. Trưởng đoàn Việt Nam chỉ gặp Chủ tịch Quốc hội pháp (lúc ấy là Vanhxiăng Ôriôn) ít phút trong giờ giải lao ở Quốc hội Pháp.

Từ năm 1946, Bác Tôn có nhiều năm hoạt động và sống gần gũi với Bác Hồ. Giữa hai Bác đã hình thành một tình thân ái, gắn bó sâu sắc. Tình cảm cao quý đó mãi mãi được thể hiện trong bức ảnh rất đẹp ghi lại hình ảnh hai Bác, tay cầm tay đứng bên nhau với nét mặt vui tươi, đôn hậu.

Những năm tháng cuối đời của Bác Tôn để lại những ấn tượng sâu sắc đối với tôi. Bây giờ Bác Tôn đã đến tuổi 90. Một con người trải qua một cuộc đời đầy sóng gió như Bác Tôn mà thọ đến 90 thì thật hiếm có. Điều đáng quý hơn nữa, mà tôi rất xúc động nhắc lại ở đây là con người bên trong của Bác Tôn, phẩm chất cách mạng kiên cường ở Bác vẫn trong sáng, hồn nhiên như năm nào. Nói chuyện với Bác Tôn lúc ấy, tôi không thấy có gì khác với lúc nói chuyện với con người ấy cách đây mấy chục năm về trước. Chúng ta đang đứng trước một con người mà năm tháng và bão tố có làm thay đổi nhiều về dáng vẻ bên ngoài, nhưng tâm hồn và ý chí cách mạng, tình cảm với đồng bào, đồng chí, sự khiêm tốn giản dị, lòng vị tha quên mình thì không hề thay đổi. Đó vẫn luôn luôn là đức tính của người chiến sĩ cộng sản Tôn Đức Thắng.

Cũng như Bác Hồ, Bác Tôn là một con người đẹp từ việc lớn đến việc nhỏ, lúc ở Côn Đảo cũng như lúc ở Phủ Chủ tịch. Và cũng như Bác Hồ, Bác Tôn rất vui tính, thích bông đùa, nói ít, làm nhiều, suốt đời hiến dâng nghị lực, tài năng và tâm huyết cho sự nghiệp lớn của nước, của dân.

Con người và cuộc sống của Bác Tôn là như vậy. Đây là một tấm gương mà mọi người chúng ta cần noi theo.

Phạm Văn Đồng -

*Nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Thủ tướng Chính phủ,
nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng.*

NHỮNG NGÀY SỐNG VỚI BÁC TÔN Ở CÔN ĐẢO

Thời gian tôi được gặp Bác Tôn, biết Bác Tôn và sống chung với Bác Tôn nhiều nhất là thời kỳ ở Côn Đảo. Lúc bấy giờ tôi mới 17 tuổi, tôi bị địch bắt ở Hải Phòng và bị đày đi Côn Đảo.

Tôi lãnh hai án, trong đó một án 18 tháng tù về tội rải truyền đơn và một án là phát lưu chung thân do Hội đồng đại hình kết tội. Ra đến Côn Đảo, tôi và hai người bạn nữa còn nhỏ tuổi nên bị giam ở Banh I, không bị bắt đi làm khổ sai hằng ngày. Ở đó có Bác Tôn, vì cao tuổi nên chúng không bắt Bác đi làm khổ sai. Bác và chúng tôi phải dọn dẹp các sam (chambre), quét sân, nhổ cỏ ở Banh I.

Thấy chúng tôi còn trẻ mà đã giác ngộ cách mạng thì Bác rất thương. Bác bắt đầu giáo dục cho tôi và hai người bạn hiểu thế nào là cách mạng, thế nào là chủ nghĩa cộng sản. Bác rất hiền. Bác không những thương chúng tôi mà còn thương các bạn tù khác kể cả tù thường phạm. Khi họ đi làm về, sau bữa ăn, bị nhốt ở sam thì Bác thường gần gũi họ, giảng giải cho họ những điều sơ đẳng nhất về chủ nghĩa cộng sản, về lòng yêu nước và động viên họ phải can đảm lên, cố chịu đựng rồi khi ra tù sẽ tiếp tục làm cách mạng. Những người tù thường phạm cũng được Bác giáo dục về chủ nghĩa yêu nước và chỉ cho họ biết chính vì nước mình không có độc lập tự do cho nên họ rơi vào cảnh nghèo khổ và phải làm những nghề bất chính để nuôi sống bản thân và gia đình. Khi bị bắt họ lại bị đày ải và tù tội.

Sau đó ít lâu, ở Sở Lưới có một canô bị hỏng, biết Bác Tôn là thợ máy, chúng đưa Bác Tôn ra để sửa canô. Tôi và một trong hai bạn tù cũng được đưa ra ngoài Sở Lưới. Lúc bấy giờ, tôi được giao việc làm hộp đồi mồi và lược đồi mồi. Viên cai ngục rất kính trọng Bác, nói với Bác cứ ở ngoài, ngủ ở ngoài cho thoáng nhưng Bác nhất định không chịu, Bác vẫn vào trong Sở Lưới ở với anh em, ngủ chung với anh em. Đây cũng là những điều mà bản thân tôi học tập được ở Bác. Bác luôn thể hiện tình thương đối với những người bạn tù và luôn luôn giáo dục họ để họ hiểu được cách mạng, hiểu con đường cách mạng. Thời kỳ đó tôi chưa vào Đảng, mới giác ngộ cách mạng, mà người đầu tiên tôi được gần gũi và giáo dục tôi nhiều nhất là Bác Tôn.

Năm 1936, tôi được ân xá và trở về đất liền. Năm 1941, tôi lại bị bắt giam trở lại Côn Đảo và tôi đã gặp lại Bác Tôn ở Sở Lưới. Bác vẫn ở suốt trong tù. Gặp lại tôi, Bác rất mừng vì thấy tôi còn trẻ mà tuy được ân xá rồi vẫn tiếp tục hoạt động cách mạng. Khi Bác hỏi tôi về tình hình phong trào cách mạng, tình hình phát triển Đảng ở bên ngoài thì tôi thuật lại cho Bác nghe theo hiểu biết của tôi. Bác rất vui và nói “*nhất định cách mạng sẽ thắng!*”.

Đến khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công ở trong đất liền mà ở ngoài Côn Đảo chúng tôi vẫn còn chưa biết Chủ tịch Hồ Chí Minh là ai; chúng tôi chỉ biết về Nguyễn Ái Quốc nhưng cũng đoán là Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là nhà yêu nước Nguyễn Ái Quốc.

Đồng chí Tưởng Dân Bảo trước đây bị đày ra Côn Đảo, là người theo Quốc dân Đảng rồi sau giác ngộ theo Đảng Cộng sản, đã tự thuê thuyền và thuê một chiếc tàu ra đón chúng tôi ở Côn Đảo về. Tôi và các bạn đi bằng thuyền buồm về Sóc Trăng rồi Cần Thơ. Bác Tôn cùng một số đồng chí khác như Phạm Hùng cùng đi về bằng canô do chính Bác Tôn tự lái. Sau đó Bác Tôn được điều động ra Hà Nội. Từ đó, tôi ở lại Nam Bộ chiến đấu chống thực dân Pháp rồi tiếp tục chống đế quốc Mỹ.

Lâu lâu, có dịp ra Hà Nội là tôi lại ghé thăm Bác Tôn và gia đình.

Khi đã trở thành vị Phó Chủ tịch nước, sau là Chủ tịch nước, Bác Tôn vẫn giữ tính điềm đạm, chân thành, thương người như khi ở tù Côn Đảo năm xưa mà tôi được cùng sống bên Bác. Tôi rất kính trọng Bác Tôn cũng như kính trọng Bác Hồ. Bác Tôn là người xuất thân từ công nhân, trước đây học ở Trường Cơ khí châu Á ở Sài Gòn, làm thợ ở Xưởng Ba Son rồi sang Pháp. Khi Cách mạng Tháng Mười thành công, bọn đế quốc đem quân, và tàu chiến câu kết với bọn bạch vệ ở trong nước Nga chống lại nước Nga Xôviết non trẻ thì Bác Tôn là một trong số những thủy thủ đã dũng cảm đấu tranh chống lại. Chính Bác là người đã kéo lá cờ đỏ búa liềm ở trên Chiến hạm France. Hành động này cho thấy Bác chẳng những là một người yêu nước mà còn là người có tinh thần quốc tế vô sản.

Những kỷ niệm đó thường hiện lên mỗi lần tôi nhớ tới Bác Tôn và càng nhớ thì càng kính phục Bác, càng thương Bác nhiều.

Nguyễn Văn Linh –

*Nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam,
nguyên cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng.*

CHÚNG TA LUÔN NHỚ MÃI BÁC TÔN

Bác Tôn là một người cộng sản mẫu mực. Nếu Bác Hồ rời bến Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước, đi sang Pháp, Anh, Mỹ và các nước thuộc địa, đi đến chủ nghĩa cộng sản để rồi sau này trở thành nhà yêu nước vĩ đại của dân tộc Việt Nam, thì Bác Tôn - người con ưu tú của dân tộc ta, người công nhân Việt Nam đầu tiên đi đến chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Lần đầu tiên trong cuộc đời cách mạng của tôi biết đến Bác Tôn là người chiến sĩ Biển Đen - Marin de la Mer Noir đây - đã kéo cờ phản chiến và ủng hộ Cách mạng Tháng Mười Nga, chống lại sự can thiệp của thực dân Pháp và các nước đế quốc khác. Đó là một hành động mà lúc bấy giờ được xem là hiếm có, hơn thế nữa, là một hành động xuất chúng, chứng tỏ Bác Tôn là người Việt Nam yêu nước - mà là người yêu nước thì nhất định đi đến chủ nghĩa cộng sản. Những người cộng sản chân chính bao giờ cũng là người yêu nước.

Trong kháng chiến chống Pháp, nhất là từ khi Bác Tôn ra Hà Nội rồi lên Việt Bắc thì tôi có nhiều dịp được làm việc với Người. Trong những buổi họp Thường vụ do anh Trường Chinh hay các anh cộng sự khác chủ trì thường có Bác Tôn dự. Đặc biệt, từ lúc Bác Tôn thay Bác Hồ làm Chủ tịch nước, với cương vị là Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam tôi có nhiệm vụ báo cáo tình hình kháng chiến với Bác Tôn và cùng với Bác Tôn đi thăm các đơn vị bộ đội...

Tôi cũng thường đến thăm Bác Tôn ở nhà riêng. Cảm tưởng để lại cho tôi trong những dịp đó là vô cùng xúc động. Bác Tôn là con người vô cùng giản dị, vẫn là người công nhân, vẫn giữ cái búa, cái kìm... và tự tay chữa lấy xe đạp của Bác. Bác Tôn của chúng ta là một con người như thế, một người công nhân tiêu biểu cho tinh thần cách mạng, đạo đức cách mạng cao quý nhất của giai cấp công nhân, của Đảng chúng ta, của dân tộc Việt Nam chúng ta. Tình bạn giữa Bác Tôn với Chủ tịch Hồ Chí Minh của chúng ta tiêu biểu cho tình bạn chí thiết và cao cả. Bác Tôn luôn sống mãi trong tâm trí chúng ta.

Chúng ta nhớ mãi Bác Tôn, đặc biệt là đạo đức của Bác, một người công nhân ưu tú, một người cộng sản mẫu mực, một nhà yêu nước vĩ đại, người bạn chí thiết của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp –

*Nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ,
nguyên Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, nguyên Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam*

CHỦ TỊCH TÔN ĐỨC THẮNG NGƯỜI CON ƯU TÚ CỦA DÂN TỘC, NGƯỜI CHIẾN SĨ QUỐC TẾ KIÊN CƯỜNG

Chủ tịch Tôn Đức Thắng là một trong các chiến sĩ lớp đầu của phong trào công nhân và phong trào giải phóng dân tộc ở nước ta, là một trong những người bạn chiến đấu thân thiết lâu năm của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Cuộc đời hoạt động cách mạng lâu dài, đầy gian lao, thử thách của Chủ tịch Tôn Đức Thắng là tấm gương sáng về tinh thần phấn đấu không mệt mỏi cho sự nghiệp độc lập dân tộc, sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Từ những năm đầu của thế kỷ XX, lúc còn trẻ, sớm giác ngộ cách mạng, Chủ tịch Tôn Đức Thắng đã tham gia lãnh đạo phong trào yêu nước của giai cấp công nhân và nhân dân ta chống đế quốc phong kiến và đứng vào hàng ngũ những chiến sĩ tiên phong.

Chủ tịch Tôn Đức Thắng là một trong những công nhân Việt Nam đầu tiên hoạt động trong phong trào công nhân Pháp.

Chủ tịch đã tham gia cuộc nổi dậy phản chiến của Hải quân Pháp ở Biển Đen, là người Việt Nam kéo lá cờ đỏ trên một chiến hạm của Pháp để chào mừng Nhà nước của giai cấp vô sản, chống lại sự can thiệp vũ trang của đế quốc, ủng hộ nước Nga Xôviết, Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới, nêu cao tinh thần quốc tế cao cả của giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam.

Chủ tịch Tôn Đức Thắng là người đã đem về Việt Nam mối tình sâu sắc của nhân dân ta đối với đất nước của Cách mạng Tháng Mười Nga, với giai cấp công nhân Pháp, là người thành lập Công hội đầu tiên của giai cấp công nhân nước ta.

Chủ tịch Tôn Đức Thắng bị bọn đế quốc bắt giam giữa lúc đang hoạt động sôi nổi trong hàng ngũ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Gần 17 năm bị đọa đầy khắc nghiệt trong các nhà giam và ngục tù Côn Đảo, Chủ tịch Tôn Đức Thắng luôn nêu cao tinh thần cách mạng kiên cường, hiên ngang, bất khuất, luôn vui vẻ, tin tưởng vững chắc vào tương lai tươi sáng của dân tộc và giai cấp công nhân.

Cách mạng Tháng Tám thành công, từ Côn Đảo trở về, vừa bước chân lên đất liền, Chủ tịch Tôn Đức Thắng tham gia ngay vào các hoạt động kháng chiến, kiến quốc, góp phần quan trọng cùng với Bác Hồ, Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Mặt trận lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân, toàn quân xây dựng chính quyền cách mạng, xây dựng Mặt trận Dân tộc thống nhất, đưa hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc ta đến thắng lợi hoàn toàn giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Bất kỳ ở cương vị công tác nào, mặc dù tuổi cao, Chủ tịch Tôn Đức Thắng luôn nỗ lực phấn đấu quên mình hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và Nhân dân giao phó.

Chủ tịch Tôn Đức Thắng là hình ảnh tiêu biểu cho chính sách đại đoàn kết dân tộc của Đảng và của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Suốt đời hoạt động của mình, Bác Tôn hết lòng chăm lo đoàn kết đồng chí, đoàn kết đồng bào, đoàn kết cả nước trong cuộc chiến đấu chung vì độc lập thống nhất Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Bác Tôn cũng là chiến sĩ quốc tế luôn chăm lo góp phần vun đắp và tăng cường tình đoàn kết hữu nghị giữa nhân dân ta với nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em, với nhân dân tiên bộ trên thế giới, với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Cống hiến lớn lao của Chủ tịch Tôn Đức Thắng cho nền độc lập dân tộc và hòa bình thế giới đã được nhân dân thế giới khâm phục và kính mến. Chủ tịch Tôn Đức Thắng là người Việt Nam đầu tiên được *Giải thưởng Hòa bình quốc tế Lenin*, xứng đáng là chiến sĩ xuất sắc của phong trào hòa bình thế giới.

Cùng với lòng trung thành, tận tụy, lập trường vững vàng, tinh thần dũng cảm bất khuất, ở Bác Tôn còn nổi bật lên đức tính khiêm tốn, giản dị. Những đồng chí đã cùng hoạt động với Bác thời kỳ bí mật cũng như cùng làm việc với Bác những năm sau này khi Bác là Chủ tịch nước, Trưởng Ban Thường trực Quốc hội hay Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đều thấy ở Bác một đức tính, một phong cách không hề thay đổi. Đó là đức tính, phong cách công nhân, khiêm tốn, giản dị, chân thành, hòa mình trong quần chúng.

Chủ tịch Tôn Đức Thắng luôn nêu cao tính tổ chức, tính nguyên tắc, việc lớn việc nhỏ, nhất thiết tuân thủ quyết định của tổ chức, của tập thể. Bác thường nhắc nhở sức mạnh của Đảng là ở tổ chức, toàn Đảng chỉ có một ý chí, một sự đoàn kết nhất trí trên cơ sở đường lối chính trị và những nguyên tắc tổ chức của Đảng.

Là chiến sĩ cách mạng dân tộc và chiến sĩ cách mạng quốc tế, đồng chí Chủ tịch Tôn Đức Thắng kính mến đã nêu tấm gương suốt đời vì nước vì dân, trung thành, tận tụy, phấn đấu hy sinh, là một mẫu mực về đại đoàn kết dân tộc, về đạo đức cách mạng cần, kiệm, liêm, chính, khiêm tốn, giản dị, mãi mãi các thế hệ ngày nay và mai sau học tập noi theo.

Võ Chí Công –

*Nguyên Ủy viên Bộ Chính trị,
nguyên Chủ tịch Hội đồng Nhà nước,
nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng.*

BÁC TÔN TRONG LÒNG ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN SÀI GÒN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trong khi viết bài tổng kết cuộc tranh luận về quyền tự quyết, V.I Lenin - người thầy cách mạng thiên tài của giai cấp vô sản - hướng sự chú ý đến vùng đất “*An Nam thuộc Pháp*” ở châu Á xa xôi, nơi đang xảy ra những biến cố chính trị đáng quan tâm. Hồi đó trên đất nước ta, những đợt sóng cuối cùng của phong trào Cần Vương đã lặn. Được nung nấu bởi nguồn nhiệt huyết tràn đầy, một số thanh

niên mang chí cả tâm cao đã lặn lội đến Sài Gòn để thâm nhập vào giới cần lao, rồi tìm cách vượt qua sóng nước đại dương để bôn ba đi tìm đường cứu nước.

Nổi bật trong số đó là sự “song hành” của Nguyễn Tất Thành và Tôn Đức Thắng. Ngày 5-6-1911, Nguyễn Tất Thành theo chiếc tàu buôn “Amiral Latouche Tréville” rời hải cảng Sài Gòn “để đi xem nước Pháp và các nước làm thế nào, rồi sẽ trở về giúp đồng bào”. Năm sau - năm 1912, để tránh sự truy nã của chính quyền thực dân, Tôn Đức Thắng làm thủy thủ trên tàu Lacoóc, sang Pháp với lòng mong mỏi học tập được thật nhiều để sau này về nước đấu tranh có hiệu quả hơn.

Từ giã mảnh đất cù lao nằm giữa dòng sông Hậu hiền hòa, Tôn Đức Thắng đến Sài Gòn để mưu sinh và bước chân lên vũ đài chính trị trong ánh rạng đông của cuộc đời, lúc vừa tròn 18 tuổi xuân. Trong khi một số khá đông các chàng trai thoát ly mái ấm gia đình phong lưu thuở ấy, tới Sài Gòn hầu như để tìm đường xuất dương du học. Còn Tôn Đức Thắng, đã xác định toàn tâm đứng trong đội ngũ thợ thuyền. Và từ ấy, gắn bó máu thịt cuộc đời mình với sứ mệnh lịch sử vẻ vang của giai cấp công nhân. Khi Tôn Đức Thắng đến Sài Gòn, tại vùng đất Nam Kỳ có khoảng 25.000 công nhân trong các sở công nghệ, đồn điền và thương mại. Cùng với vùng mỏ Hòn Gai và các thành phố Hải Phòng, Nam Định, Vinh, Sài Gòn - Chợ Lớn là nơi tập trung công nhân đông nhất trên đất nước ta.

Với tầm nhìn và bản lĩnh được hun đúc bằng tính năng động, trải qua chặng đường đầu sáu năm sống giữa lòng thành phố Sài Gòn, Tôn Đức Thắng đã không ngừng rèn luyện mình theo phương châm giáo dục nghiêm khắc của tổ tiên: “Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh”. Trước khi chính thức ngồi dưới mái Trường Bá Nghệ Sài Gòn, Tôn Đức Thắng đã được tuyển tay nghề qua khá nhiều lĩnh vực: Làm công cho các garage và ô tô tư nhân, làm nghề tiện, nghề điện, nghề nguội, sửa máy xe hơi, sửa máy tàu thủy làm công cho Xưởng Krupp thuộc Sở Kiến trúc cầu đường và nhà cửa Sài Gòn.

Kết quả của việc tích lũy kiến thức từ nguồn lao động công nghệ bách khoa cộng với ý thức cộng đồng sâu sắc, Tôn Đức Thắng đã sớm giành được thiện cảm và niềm tin của các bạn đồng nghiệp và đồng môn. Công lao lịch sử của Tôn Đức Thắng thuở đương thời, là đã thổi bùng lên luồng sinh khí mới vào đội ngũ cần lao, góp phần tạo ra bước chuyển mình quan trọng của giai cấp công nhân Việt Nam từ “đấu tranh tự phát” sang “đấu tranh tự giác”.

Xuất phát từ sự khởi đầu tích cực tham gia vào việc lập ra các hội đoàn truyền thống với hình thức thấp trong giới thợ thuyền để tiến hành đấu tranh: Tổ chức ra các hội tương tế, ái hữu, đòi tăng lương, giảm giờ làm, chống đánh đập, phạt vạ... Tôn Đức Thắng đã hợp lực cùng một số hạt nhân nòng cốt tổ chức thành công cuộc đình công, bãi khóa đầu tiên ở Xưởng Ba Son và tại Trường Bá Nghệ Sài Gòn vào năm 1912. Ý nghĩa quan trọng của cuộc bãi công này, mấy mươi năm sau, đã được Bác Tôn kể lại trong những dòng tự truyện đầy cảm động. Bác viết: “Lúc cuộc bãi công của học sinh Trường Bá Nghệ Sài Gòn và thợ thuyền Ba Son thắng lợi cũng là lúc tôi đang cải trang xuống tàu Pháp để trốn sự truy nã của địch. Từ đó bắt đầu cuộc đời trên mặt biển”.

Khảo cứu lịch sử phát triển của phong trào công nhân quốc tế chúng ta thấy rõ: Đấu tranh tự phát của công nhân là hình thức phôi thai biểu hiện tính tự giác. Khi thợ thuyền cảm thấy không thể tiếp tục cam chịu cuộc sống nhục nhã dưới ách áp bức, họ bắt đầu liên kết bằng sự kháng cự tập thể đối với những kẻ bóc lột mình. Trong quá trình đấu tranh, một số công nhân ưu tú đứng trên tuyến đầu của đội ngũ tiên phong giác ngộ về chính trị bắt đầu xuất hiện và trở thành những nhà cách mạng. Ở nước ta, một trong những người công nhân tiêu biểu nhất trong đội quân tiên phong đó, chính là Tôn Đức Thắng.

Sau khi rời hải cảng Sài Gòn vào thập niên thứ hai của thế kỷ XX, chiếc tàu viễn dương Lacoóc và Chiến hạm France của Pháp đã đưa những cuộc hành trình lịch sử của Tôn Đức Thắng đến bến bờ mới lạ - nơi “*Quan san muôn dặm một nhà. Bốn phương vô sản đều là anh em*”. Và chính trên bước đường “quan san muôn dặm” đã giúp cho người công nhân thủy thủ trẻ tuổi Việt Nam nhập tâm sâu sắc khẩu hiệu chiến đấu vĩ đại của các nhà khai sáng chủ nghĩa xã hội khoa học: “*Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại!*”.

Biểu hiện rực rỡ của hành động “đoàn kết lại” đó là nhiệt tình và dũng khí của Tôn Đức Thắng trong buổi sáng mùa xuân năm 1919 trên mặt Biển Đen, khi quyết định tự tay kéo lá hồng kỳ thiêng liêng lên đỉnh cột cờ Chiến hạm France đang nã pháo vào hải cảng Xêvaxtôpôn mưu toan bóp chết nhà nước đầu tiên của giai cấp công nông trên thế giới vừa mới ra đời. Đi theo ánh lửa trái tim mình, Tôn Đức Thắng đã cùng đội quân binh biến căng khẩu hiệu quyết liệt phản chiến và say sưa hát vang bài *Quốc tế ca* hùng tráng “*Vùng lên hỡi các nô lệ ở thế gian...*” để biểu thị sự ủng hộ mạnh mẽ cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga, ủng hộ Lênin, ủng hộ chính quyền Xôviết. Thắng lợi của cuộc phản chiến trên hạm đội Pháp ở Biển Đen là sự tiếp sức rất có ý nghĩa cho đoàn quân kỵ mã thần kỳ của Nguyên soái Budyônnui đánh tan tác những đội quân phản loạn của Đênhikin trên chiến trường miền Nam nước Nga thuở ấy. V.I. Lênin đánh giá cao ý nghĩa lịch sử của cuộc binh biến này. Người cho rằng, giai cấp tư sản quốc tế vừa giơ tay đánh chúng ta thì anh em thợ thuyền các nước đã giữ ngay cổ tay chúng lại. Tự hào và kiêu hãnh biết bao, trong đội ngũ các chiến sĩ quốc tế nhiệt thành “*đã giữ ngay cổ tay*” kẻ thù hung bạo của cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga, có Tôn Đức Thắng - người công nhân vĩ đại của thành phố Sài Gòn, của đất nước ta, người Việt Nam đầu tiên vinh dự được trao tặng *Giải thưởng hòa bình quốc tế Lênin* (12-1955) và *Huân chương Lênin* cao quý (11-1967).

Trong những tháng năm sống xa Tổ quốc, xa đồng bào, Tôn Đức Thắng đã ra sức phấn đấu để “*mong học hỏi được thật nhiều*”. Cuộc sống cộng đồng gắn bó và mối quan hệ keo sơn với giai cấp công nhân tại một số trung tâm công nghiệp nổi tiếng của nước Pháp, với đội quân thủy thủ tiến bộ trên chiến hạm cũng như việc gia nhập vào tổ chức Công đoàn Pháp và tham gia hoạt động tích cực trong phong trào yêu nước của giới kiều bào ta ở Pháp... đã nâng cao kiến thức, mở rộng tầm nhìn và bồi dưỡng thế giới quan, nhân sinh quan của Tôn Đức Thắng. Điều quan trọng là, Người đã nhận thức được ý nghĩa quốc tế của cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười. Ngay từ mệnh lịch sử của giai cấp

công nhân, vai trò và tác dụng của tổ chức công đoàn trong các lĩnh vực đấu tranh kinh tế và chính trị, sự liên kết tất yếu giữa phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Pháp tại chính quốc với nhân dân bị áp bức ở các nước thuộc địa và phụ thuộc...

Đó là những hành trang quý giá mà Tôn Đức Thắng đã trang bị cho mình khi từ già quê hương của các chiến sĩ Công xã Paris để trở về thành phố Sài Gòn lao vào cuộc đấu tranh sống mái với kẻ thù sau khi Chiến tranh thế giới thứ nhất im tiếng súng.

*

* *

Sau khi về nước, Tôn Đức Thắng đã tích cực tham gia đấu tranh cách mạng, gắn phong trào công nhân với phong trào yêu nước để thực hiện lời nguyện ước thiêng liêng khi bước chân xuống tàu xuất dương: *“Sau này về nước đấu tranh có hiệu quả hơn”*. Trong 10 năm kề vai sát cánh với đội ngũ thợ thuyền, người thủy thủ kiên trung trên Biển Đen năm nào đã kéo lá cờ đỏ thắm lên Chiến hạm France để ủng hộ cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga, giờ đây lại lãnh đạo thợ thuyền Xưởng Ba Son quyết tâm trì hoãn việc sửa chữa chiếc tàu chiến Michelet mà bọn thực dân Pháp gấp rút đưa sang Trung Hoa đại lục để dập tắt ngọn lửa đấu tranh của nhân dân Trung Quốc đang bùng cháy, và tự tay treo lá cờ đỏ búa liềm thiêng liêng lên nóc đình Bình Đông của thành phố Sài Gòn để chào mừng ngày khai sinh ra chính đảng tiên phong của giai cấp công nhân.

Tôn Đức Thắng đã đồng thời hoàn thành xuất sắc hai nhiệm vụ lịch sử cao cả - *vừa là nhà tuyên truyền cổ động nhiệt thành, vừa là nhà tổ chức năng động*. Là nhà tuyên truyền cổ động nhiệt thành, thông qua nguồn ấn phẩm cách mạng quý giá trên đất Pháp và tài liệu sách báo của Nguyễn Ái Quốc từ thành phố Quảng Châu (Trung Quốc) theo con đường biển vào bến cảng Sài Gòn, Tôn Đức Thắng đã góp phần quan trọng vào việc truyền bá học thuyết Mác - Lênin ở Việt Nam. Là nhà tổ chức năng động, Tôn Đức Thắng đã sáng lập ra “Công hội đỏ” sớm nhất trên đất nước ta, là người góp sức đắc lực vào việc xây dựng hệ thống tổ chức của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên - tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản ở vùng đất Nam Bộ. Tôn Đức Thắng còn là người lãnh đạo và tổ chức thắng lợi cuộc bãi công đầu tiên có quy mô rộng lớn của hàng nghìn công nhân Xưởng Ba Son, được sự ủng hộ mạnh mẽ của đội ngũ thợ thuyền và quần chúng lao động tại thành phố Sài Gòn vào mùa thu năm 1925.

Một điều hết sức lý thú là, tuy tích cực tham gia hoạt động công đoàn ở Pháp, nơi tổ chức công đoàn xuất hiện rất sớm trên thế giới (sau nước Anh) - từ cuối thế kỷ XVIII, song tổ chức “Công hội bí mật” do Tôn Đức Thắng sáng lập tại Sài Gòn gần giống như tính chất các tổ chức tiền thân của công đoàn xuất hiện trong thời kỳ Cách mạng năm 1905 ở Nga. “Công hội bí mật” của Tôn Đức Thắng là một tổ chức thuần khiết, có tính chất chiến đấu và cách mạng, là người đại biểu đáng tin cậy cho lợi ích của giai cấp công nhân. Trong “Công hội bí mật”, tuyệt nhiên không có khuynh hướng tư tưởng cơ hội hữu khuynh của “Công đoàn chủ nghĩa”, “công đoàn vô chính phủ” và những biểu hiện sai lầm

của “tính trung lập”, của sự “hợp tác giai cấp” như tổ chức công đoàn ở nhiều nước Tây Âu.

Trải qua 20 năm lặn lội trong phong trào công nhân và phong trào yêu nước, Tôn Đức Thắng đã phát hiện ra ánh sáng cách mạng chân chính là *chủ nghĩa Mác - Lênin*. Thật đáng tiếc biết bao, giữa lúc đất nước đang chuyển mình để bước vào cao trào cách mạng sôi động của những năm 1930-1931 thì trước đó Tôn Đức Thắng đã bị giặc bắt tại thành phố Sài Gòn.

*

* *

Trải qua 17 năm bị lưu đày tại Khám Lớn - Sài Gòn và Nhà tù Côn Đảo, Bác Tôn được trở về đất liền sau cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, giữa lúc quê hương đang rền vang tiếng súng. Núp bóng quân Anh - Nhật, giặc Pháp bắt đầu tái chiếm Nam Bộ. Trên khắp các nẻo đường, đồng bào ta “nóp với giáo mang ngang vai” bước chân ra tiền tuyến để xả thân thực hiện lời thề chiến đấu thiêng liêng: “*Độc lập hay là chết*”. Từ bán đảo Cà Mau, Bác Tôn đã nhanh chóng đến các tỉnh miền Trung Nam Bộ và vùng cửa ngõ hiểm yếu ở phía nam thành phố Sài Gòn. Bác đã tham dự hai cuộc hội nghị quan trọng của Xứ ủy Nam Bộ trên địa phận Đồng Tháp Mười vào hạ tuần tháng 10 và trung tuần tháng 12-1945. Được sự tín nhiệm cao của Đảng, Bác được giao phụ trách Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ và chỉ đạo lực lượng vũ trang, rồi Chủ nhiệm hậu cần của Ủy ban Kháng chiến miền Nam. Bác Tôn cùng tập thể Xứ ủy gấp rút củng cố bộ máy tổ chức và tăng cường đội ngũ cán bộ cho các lực lượng quân, dân, chính, đảng nhằm kịp thời đáp ứng cho nhu cầu tác chiến ở thành phố Sài Gòn và các địa phương trên chiến trường Nam Bộ trong những ngày đầu kháng Pháp.

Nhờ vậy, chỉ trong ba tháng mở màn cuộc kháng chiến chống Pháp, giữa lòng thành phố Sài Gòn, quân dân ta đã tiêu diệt hơn 700 tên địch tại các trận Tân Định, Thị Nghè, Cầu Kiệu, v.v.. Những cuộc bãi công, bãi thị, bãi khóa của nhân dân diễn ra liên tục. Các Chiến khu Rừng Sác, An Phú Đông và căn cứ Vườn Thơm được xây dựng. Đặc biệt, ngày 23-12-1945, nhân dân Sài Gòn đã giành được thắng lợi lớn trong việc tiến hành cuộc Tổng tuyển cử. Với sự tín nhiệm cao và lòng quý mến sâu sắc, Bác Tôn đã được các tầng lớp đồng bào ta ở Sài Gòn đồng lòng nhất trí bầu làm người đại biểu xứng đáng của mình tại Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam mới.

Vinh dự biết bao, tháng 2-1946 thay mặt Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tặng đồng bào Nam Bộ danh hiệu vẻ vang “*Thành đồng Tổ quốc*”. Trong thời điểm lịch sử đó, Bác Tôn được điều động ra Thủ đô Hà Nội để cùng với Bác Hồ và Trung ương Đảng chỉ đạo công cuộc kháng chiến, kiến quốc.

Suốt trong hơn ba thập niên, khi còn sống giữa núi rừng Chiến khu Việt Bắc cũng như lúc về Hà Nội sau ngày giải phóng Thủ đô, lòng Bác Tôn luôn luôn hướng về mảnh đất “*Thành đồng Tổ quốc*” và thành phố Sài Gòn với nỗi niềm thương nhớ khôn nguôi. Bác viết: “*Trong từng giờ, từng phút, tôi luôn luôn nghĩ đến miền Nam, nơi chôn nhau cắt rốn, đang bị bọn đế quốc và bọn tay sai tàn*

phá... Tôi muốn được sát cánh với đồng bào trong cuộc đấu tranh, cùng đồng bào chia sẻ những gian khổ hy sinh để giải phóng quê hương yêu dấu”.

Trong những tháng năm trước ngày giải phóng miền Nam, Bác Tôn luôn luôn dành sự quan tâm đặc biệt đối với những trường học sinh miền Nam và các đơn vị lực lượng vũ trang tập kết ra Bắc. Những cuộc họp mặt thường niên do Ban liên lạc đồng hương của tỉnh quê hương Bác tổ chức tại Thủ đô Hà Nội, gần như không bao giờ thiếu vắng Bác. Hầu hết các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Trung ương Cục, Mặt trận Dân tộc giải phóng, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Bộ Chỉ huy các lực lượng vũ trang giải phóng cũng như các đồng chí lãnh đạo của Khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn và các địa phương từ miền Nam ra Thủ đô Hà Nội công tác, hội họp, học tập hoặc chữa bệnh... đều được Bác Tôn dành cho những phút giây gặp gỡ đầm ấm, thân tình và sự quan tâm sâu sắc.

Thấu hiểu nỗi lòng khát khao tình cảm của những đứa con xa được trở về trong vòng tay ấm áp, thân thương của đồng chí và đồng bào miền Bắc, nhiều đoàn đại biểu vượt suối băng ngàn từ chiến trường miền Nam ra đã được Bác Tôn gặp gỡ, động viên, khích lệ và cổ vũ như: Đoàn đại biểu Anh hùng dũng sĩ diệt Mỹ, Đoàn đại biểu Thanh niên giải phóng, Đoàn Nhà văn thuộc Hội Văn nghệ giải phóng, Đoàn Ca múa nhạc Quân giải phóng...

Khi Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử kết thúc toàn thắng, miền Nam được hoàn toàn giải phóng và đất nước thống nhất, Bác Tôn đã dẫn đầu Đoàn đại biểu Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chính phủ và Mặt trận Tổ quốc vào thăm thành phố Sài Gòn và dự Lễ mừng chiến thắng vĩ đại của dân tộc. Sau hơn 45 năm tính từ ngày bị đày ra Côn Đảo, nay Bác được trở về với thành phố thân thương trong niềm vui hân hoan, tự hào và phấn khởi vô hạn của đồng chí và đồng bào.

Mặc dù tuổi cao, sức yếu và ngày đêm phải tập trung tâm sức vào việc giải quyết những công việc hệ trọng của quốc kế dân sinh, nhưng Bác đã dành thời gian sớm nhất cuối năm 1975 về thăm nơi “chôn nhau cắt rốn” tại Cù lao Ông Hổ và thăm Xưởng Ba Son - nơi Người đã từng chung lưng đấu cật với đội ngũ thợ thuyền hoạt động cách mạng sôi nổi trong phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở lứa tuổi thanh xuân.

Đi tới đâu và ở bất cứ nơi nào, cán bộ, chiến sĩ và đồng bào ta cũng đều vui mừng và tự hào về người con của “*thành đồng Tổ quốc*”, vị Chủ tịch nước 87 tuổi trong bộ quần áo bằng vải kaki giản dị. Gần 70 năm đấu tranh không mệt mỏi cho sự nghiệp cách mạng thiêng liêng vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Bác Tôn thật xứng đáng với những lời trân trọng tuyên dương của Bác Hồ: “Là một người con rất ưu tú của Tổ quốc... Là một chiến sĩ cách mạng dân tộc và chiến sĩ cách mạng thế giới... một trong những người Việt Nam đầu tiên tham gia đấu tranh bảo vệ Cách mạng Tháng Mười vĩ đại, là một gương mẫu đạo đức cách mạng, suốt đời cần, kiệm, liêm, chính; suốt đời hết lòng hết sức phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân”.

Bác Tôn mãi mãi để lại cho đời một di sản vô cùng quý giá về tư tưởng và đạo đức tác phong, không phải được diễn đạt bằng những pho sách qua ngôn ngữ triết lý, thơ văn - mà bằng sự phát sáng trong thực tiễn hoạt động cách mạng dày dạn, phong phú, triệt để, giàu tính đảng, tính chiến đấu, tính nhân văn và là sự biểu hiện rực rỡ của tư duy năng động, sáng tạo. Phải chăng, các bậc tiên hiền xưa kia gọi đó là loại hình của tư tưởng “*triết học vô ngôn*”. Nhiệm vụ của chúng ta là phải ra sức để kiến giải tận tường chất tinh hoa trong loại hình tư tưởng “*triết học vô ngôn*” đó.

Khi viết những dòng cuối cùng để kết thúc bài này, tôi tiếp nhận được một thông tin vô cùng lý thú: Sau ba tháng phát động, đến ngày 1-7-2003 tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có tới 52.852 công nhân - viên chức - lao động đã gửi bài viết tham dự cuộc thi tìm hiểu chủ đề “*Tôn Đức Thắng - Một nhân cách lớn*”. Rõ ràng, sức hấp dẫn của Bác Tôn thật là kỳ diệu. Thực hiện Chương trình là của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về việc xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh, *Liên đoàn Lao động Thành phố* và báo *Sài Gòn giải phóng* đã cùng tổ chức “*Giải thưởng Tôn Đức Thắng*” nhằm chọn lựa và nhân rộng những mô hình tiên tiến xuất hiện trong các lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội.

Đó là những lăng hoa tươi đẹp nhất của đảng viên, cán bộ, chiến sĩ và đồng bào Thành phố Hồ Chí Minh thành kính dâng lên Bác Tôn Đức Thắng với muôn vàn tình thương yêu, nhân dịp kỷ niệm 115 năm ngày sinh của Bác.

Nguyễn Minh Triết –

Nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, nguyên Chủ tịch Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

MỘT CON NGƯỜI BÌNH THƯỜNG - VĨ ĐẠI

Khi Tôn Đức Thắng chào đời, ngày 20-8-1888, nước ta bắt đầu cuộc sống nô lệ nước ngoài sau 461 năm độc lập, kể từ Lê Lợi hội thề với Vương Thông dưới chân thành Đông Quan chấm dứt 20 năm Bắc thuộc. Còn riêng An Giang cảnh tượng đau lòng diễn ra sớm hơn, từ năm 1867, tức 21 năm trước khi Cù lao ông Hồ sản sinh ra nhân vật sau này trở thành tiêu biểu cho tinh thần bất khuất Việt Nam.

Hẳn, Tôn Đức Thắng nghe chuyện khởi nghĩa Bảy Thưa ngay trên miền quê mình, nghe chuyện Quản Hớn 18 thôn Vườn Trầu chưa xa xôi lắm, nghe chuyện Phan Đình Phùng và lớn lên một chút, nghe chuyện Hoàng Hoa Thám.

Tuy nhiên, chúng ta hiểu Tôn Đức Thắng từ góc độ một người dân miền châu thổ sông Cửu Long buổi thành niên trùng khớp với những năm đầu thế kỷ XX - nhiệt tâm yêu nước đứng trước bao nhiêu ngã rẽ và là nhiệt tâm yêu nước của một con người không xuất thân từ vọng tộc thế gia hay từ sĩ phu, mang trong người truyền thống do ân sủng của triều đình hay luân lý đạo Nho. Tôn Đức

Thắng, trên ý nghĩa ấy, đại diện được cho số đông nhân dân Nam Bộ, những tầng lớp mà hành động xuất phát từ nhận định của bản thân qua quan sát và tự hòa lẫn vào cuộc sống khi chủ nghĩa thực dân đã đứng vững và khi văn minh công nghiệp lần hồi chiếm lĩnh các điểm mấu chốt trên mặt bằng chính trị, kinh tế, xã hội ở Nam Bộ Việt Nam.

Cù lao ông Hồ sát thành phố Long Xuyên, không xa Chợ Mới, không xa Cù lao Giêng. Tôi muốn chứng minh tác động bên ngoài vào nhân dân một vùng vốn sớm khai phá nhờ phù sa bồi dưỡng và cả sinh nở các cù lao đặc biệt phì nhiêu, thuận lợi giao thông đường thủy, là địa bàn sản xuất hàng hóa trước hết từ ruộng lúa, cá và cây ăn trái, là nơi mà đạo Thiên chúa - ta hiểu từ ý nghĩa thâm nhập của một nếp văn hóa phương Tây - xây dựng cả một chủng viện.

Tôn Đức Thắng lên Sài Gòn không phải hoàn toàn chỉ với hành trang của một nông dân giống như một nông dân Nọc Nạn hay Càng Long. Đã có một cái gì đó chớm nở trong đầu Tôn Đức Thắng.

Tôn Đức Thắng chọn Trường Bá Nghệ, trường chỉ đào tạo ra thợ. Sẽ cường điệu vô lý khi chúng ta cho rằng Bác Tôn lúc trẻ đã hiểu vai trò của giai cấp công nhân, nhưng rất chí lý nếu chúng ta hiểu Trường Bá Nghệ không phải là công ngõ duy nhất mời gọi một thanh niên con nhà không giàu mà không thuộc tầng lớp bần cố nông. Gia sản của các cụ sinh ra Bác Tôn bảo đảm cho Bác khỏi kiếp cu li, kéo xe và tôi nghĩ, nếu Bác thích vẫn có thể miệt mài bậc trung học để có cái bằng Thành chung hay Tú tài, rồi thi vào ngạch hành chính bản xứ, con đường dẫn đến thư ký Soái phủ - dịch từ tiếng Pháp *secrétaire du Gouvernement* - hoặc Trường Sư phạm để có chân giáo sư trung học, hoặc chủ sự Nhà dây thép hay một cái gì đó tương tự, cuối cùng lên chủ quận. Tôn Đức Thắng chọn Trường Bá Nghệ. Chiếc máy thời học sinh Tôn Đức Thắng sử dụng còn trưng bày ở Trường Cao Thắng. Trường Bá Nghệ có thể thỏa mãn ước vọng của Tôn Đức Thắng: Không chỉ thành một lao động đơn giản mà một lao động có kiến thức, một người thợ trong thời đại công nghiệp. Chẳng vậy mà trong “gia tài” của Bác Tôn để lại cho chúng ta, hiểu theo nghĩa hiện vật, quan trọng nhất vẫn là bộ đồ nghề gồm đủ kìm, búa, mỏ lết, v.v. được Bác bảo quản trân trọng giống như người bạn đồng hành thân thiết, ngay khi Bác đã là Chủ tịch nước.

Tôn Đức Thắng vào lính thợ, sang Pháp, ở Quân cảng Toulon, tất cả những điều chất chứa trong Bác bùng nổ khi chiến hạm Pháp kéo vào Biển Đen uy hiếp thành phố Xêvaxtôpôn Xôviết. Ngọn cờ đỏ phản chiến chào Cách mạng Nga là của Tôn Đức Thắng 31 tuổi - một người quê An Giang, một học sinh Trường Bá Nghệ, một lính thợ. Ngọn cờ phát phới trên đỉnh chiến hạm Pháp giữa trời Âu, giáp mặt với nước Nga cách mạng quá trẻ chất chứa những nung nấu của Tôn Đức Thắng: Dòng sông quê hương An Giang luôn luôn cuộn cuộn, thành phố Sài Gòn từ chối cái nhất thiết từ chối và chấp nhận cái cần phải và nên chấp nhận, giới thợ thuyền châu Âu trong và sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga mà dù ta thích bay bổng đến đâu cũng thừa nhận nó đến với Tôn Đức Thắng bằng các chi tiết mà không bằng cả hình khối đồ sộ về lý luận của tính tất yếu của nó - Pháp không được quyền mang quân can thiệp vào nước khác như Pháp đã từng làm với Việt Nam.

Sau sự cố lớn lao ấy, Tôn Đức Thắng trưởng thành hẳn. Các nhà sử học sẽ làm công việc hết sức cần thiết: Tìm hiểu mối quan hệ giữa Tôn Đức Thắng và Nguyễn Tất Thành - bởi vì khi Tôn Đức Thắng rời Pháp thì Nguyễn Tất Thành vừa đến Pháp một số năm. Và, lúc bấy giờ, Nguyễn Tất Thành chưa qua Đại hội Tours, mới nổi tiếng với bản kiến nghị giữa các nguyên thủ quốc gia chiến thắng Đức họp ở cung điện Versailles.

Tôn Đức Thắng về Sài Gòn và thành lập Công hội đỏ. Về phương diện này, rõ ràng tầm nhìn của Tôn Đức Thắng đã rộng mở, trước hết, dấu hiệu của sự tiếp thu phương thức tập hợp và đấu tranh của giai cấp công nhân châu Âu trong thời điểm phân hóa giữa hai xu hướng cải lương và cách mạng - giữa Đệ Nhị và Đệ Tam quốc tế. Tư liệu quá ít ỏi, song chúng ta có thể quả quyết mà không sợ trật cả lôgích lẫn lịch sử, là Tôn Đức Thắng chọn con đường của Lênin, như Nguyễn Tất Thành cũng chọn.

Tôn Đức Thắng, với Công hội đỏ và các tổ chức quần chúng khác, tiếp nhận thoải mái Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Vụ Barbier đưa Bác Tôn vào tù và như chúng ta biết, rông rã 17 năm ở các nhà giam, chủ yếu là Côn Đảo.

Những năm Bác Tôn ở Côn Đảo và từ năm 1945 đến lúc Bác qua đời, nhiều tư liệu và nhân chứng đang còn sống kể cho chúng ta nghe khá đầy đủ. Tôi không đi vào khoảng thời gian ấy.

Tôi chỉ muốn nói thêm đôi điều mà tôi tâm đắc.

Bác gái, nữ sinh “trường đầm” - Trường Marie Curie sau này - thuộc một gia đình danh tiếng ở Mỹ Tho. Việc lương duyên khá lạ: Một bạn đồng lứa với Tôn Đức Thắng cũng là lính thợ, bị bệnh ở Toulon được Tôn Đức Thắng chăm sóc tận tình, nhưng bệnh quá nặng, trước khi mất, người bạn viết thư cho gia đình, báo rằng: Đề tạ ơn cho người đã giúp mình - và sẽ chôn cất mình - thì người chị gái nên nhận người ấy làm chồng. Mọi việc diễn ra đúng y như lời trăng trối. Cô nữ sinh trường quý tộc lấy một người thợ O.N.S (thợ không chuyên nghiệp - lính thợ) và chẳng bao lâu, chồng bị bắt, bị tù tự nuôi con 17 năm đằng đẳng. Năm 1945, Bác Tôn từ Côn Đảo về, trước khi ra Hà Nội chỉ được gặp mặt vợ con trong chốc lát. Còn Bác gái vào chiến khu, sống với các chị ở Hội Phụ nữ Cứu quốc Mỹ Tho cho đến lúc thuận tiện mới được gặp mặt chồng. Trong các pho truyện về “tình sử” nên dành cho vợ chồng Bác Tôn một chỗ trang trọng.

Tôi nghe Bác Tôn nói rằng, lúc còn nhỏ, vợ tôi từng sống với Bác Tôn gái. Năm 1969, nhân chuyến công tác lần đầu tiên đến Hà Nội, tôi gặp hai Bác tại nhà riêng, số 35 phố Trần Phú. Hôm đó, Bác mời gia đình anh Nguyễn Văn Linh và gia đình tôi đến chơi, ăn cơm. Tôi gặp Bác, Bác hỏi chúng tôi - anh Linh và tôi - về tình hình trong Nam. Tôi thưa rằng hôm qua, Trung ương Đảng chỉ thị cho tôi báo cáo trước phiên họp toàn thể Trung ương Đảng về phong trào Sài Gòn - Gia Định. Bác “cự” anh Linh: Tại sao không cho tôi nghe? Anh Linh cười: Các anh trong Bộ Chính trị ngại sức khỏe Bác, Bác sẽ nghe ghi âm và đọc báo cáo của chúng tôi. Bác vẫn còn giận: Già thì già, tôi vẫn còn ngồi nghe được một buổi hai buổi, mấy anh “đuổi” tôi như đuổi “tà”! Vừa lúc ấy anh Hai Phạm Hùng đến, Bác nhắc lại ý vừa nói với chúng tôi, anh Hai vốn là người bạn vong niên của Bác lúc

ở Côn Đảo - cười như anh Linh: Ai mà dám “đuổi” già Thắng, người ta bảo vệ anh đó.

- Nghe phong trào anh hùng trong Nam, tao khỏe hơn, nói cho chú mày biết! Nãy giờ, tao nghe Mười Cúc, Bạch Đằng nói ít chuyện mà đã thấy hăng rồi.

Tất cả chúng tôi đều rung rung nước mắt.

*

* *

Tôn Đức Thắng không phải là nhà lý luận, nhà tư tưởng hay nhà sáng tác. Tôn Đức Thắng là con người hành động, hành động tiên phong. Cứ nhớ lại 70 năm trước, trên chiếc soái hạm của đế quốc Pháp chực xông vào cắn xé Cách mạng Nga đang bị thù trong giặc ngoài quấy phá - năm 1919 là năm chính quyền Xôviết trong cảnh “nghìn cân treo sợi tóc”, Lênin đã phải ra lời kêu gọi “tất cả để thắng Đênhikin” và các trụ sở Đoàn Thanh niên Cộng sản Nga đều treo băng: “nghỉ làm việc, mọi người ra mặt trận đánh Đênhikin”, Mátxcova và Pêtrôgrat giống các ốc đảo giữa cả một đại dương chống Xôviết, chính quyền Xôviết mất vừa lúa Ukraina, vùng than Đônbát, dầu mỏ Baku, mất cả Xibêri mệnh mông: quân Anh, Pháp, Đức, Nhật đổ bộ ở Biển Đen, ở Ban tích, ở Vladivôxtôc, thọc vào phía Tây nước Nga, hậu thuẫn cho bọn Bạch vệ và các nhóm phản động; đường sắt xuyên Xibêri bị quân Tiệp khổng chế; chính quyền của địa chủ và tư sản thiết lập ở Ômxcơ, ở Ackengen, ở Kiep và ở cả Baku - một người Việt Nam cất tiếng nói riêng, dám cùng đồng đội làm binh biến dám kéo cờ báo hiệu sự đồng tình của thủy thủ Pháp với Cách mạng Nga. Nhớ chừng ấy thôi, chừng ấy thôi song gần như huyền thoại, chúng ta đo đạc tầm vóc của Tôn Đức Thắng. Cả thế giới không phải có nhiều huyền thoại như vậy. Nhớ lại đầu thế kỷ trước, một người thợ mới rời Hải quân Pháp giữa lòng thành phố Sài Gòn, dám tổ chức Công hội đỏ, khi đó Quốc tế Cộng sản cũng vừa ra đời, sau đó, dưng vào đoàn thể tiền thân của Đảng Cộng sản Đông Dương và chịu cái án 20 năm tù khổ sai giữa Côn Đảo bốn bề sóng nước. Vậy mà, con người ấy ít nói nhất về cá nhân mình, đến nỗi lớp hậu thế phải vô cùng chật vật để tìm đôi chút tư liệu phác lại cuộc đời con người ấy. Hơn 90 năm tồn tại, trong đó gần 60 năm cống hiến cho sự nghiệp chung, thế mà viết về Bác Tôn như viết về một nhân vật ẩn hiện xa xôi... Bác Tôn luôn luôn muốn sống như một con người thật bình thường. Chính vì thế, Bác Tôn vĩ đại. Không phải dễ thành bất tử như Bác Tôn - Ủy viên Trung ương Đảng nhiều năm, đứng đầu Mặt trận đoàn kết dân tộc hàng mấy thập kỷ liền, thay Bác Hồ giữ cương vị Chủ tịch nước - nhưng chưa một lần Bác tỏ ra là con người có quyền lực, ham quyền lực, tự nhận là lãnh tụ Bác thích vị trí một đảng viên cộng sản như mọi đảng viên thích vị trí công dân trung thực, lương thiện, cố mang điều tốt, cố mang niềm vui, cố giảm nỗi đau cho đồng bào.

Nhớ Bác Tôn, nhớ bài học mà Bác lấy cả đời mình làm mẫu, chính là tìm cái vĩ đại trong cái bình thường của một con người coi như đơn giản mà cực kỳ phức tạp khó khăn đối với những ai nắm quyền trong tay.

Tinh hoa dân tộc, cốt lõi miền đất phóng khoáng và mộc mạc An Giang, tính cách thợ mà thành phố Sài Gòn và cả phong trào công nhân Pháp hun đúc, chủ nghĩa Mác - Lênin, lý tưởng cộng sản, trí tuệ và đức độ của Hồ Chí Minh -

tất cả tổng hợp nên một Tôn Đức Thắng, gia tài của cả nước, của Nam Bộ và An Giang, sản phẩm của phong trào công nhân thế giới, tiếng vọng đầy kiêu hãnh của Cách mạng Tháng Mười Nga...

Kính chào... Tôn Đức Thắng... tức kính chào nền luân lý vĩ đại trong cái bình thường, bình thường một cách vĩ đại.

Tháng 8-1988

Trần Bạch Đằng -

Nguyên Bí thư Thành ủy Sài Gòn, nhà sử học, nhà nghiên cứu

NGƯỜI BẠN LỚN CỦA BÁC HỒ

Cuối tháng 6-1975, tròn hai tháng sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, tôi có dịp về thăm quê nhà ở Phú Yên. Không ngờ câu chuyện trong buổi gặp mặt đầu tiên với bà con lại là chuyện về Bác Tôn. Cũng ngẫu nhiên thôi. Tôi đến trình diện ông chú họ, tuổi đã trên 80. Ông chỉ lên bức tranh in ảnh Bác Hồ và Bác Tôn bắt tay nhau, bức tranh mà ông được một cán bộ giải phóng gửi tặng và ông đã treo lên nơi trang trọng nhất trong nhà. Ông hỏi:

- Nè, ông này chắc là to lắm phải hôn con?

Câu hỏi thật bất ngờ. Rất dễ mà cũng rất khó trả lời. Bởi tôi chưa hiểu sự suy nghĩ về chữ “to” mà ông nêu lên. Tôi nói: Thừa chú đây là Bác Tôn, là Cụ Tôn Đức Thắng người thay Bác Hồ giữ chức vụ Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kể từ ngày Bác Hồ mất đến nay.

Chú tôi bỗng cười to, sảng khoái. Dường như câu trả lời đã nói đúng điều mà ông suy nghĩ.

- Vậy mới phải! Tao cũng nghĩ là Ông to lắm mới được bắt tay Cụ Hồ một cách bình đẳng như vậy.

Rồi ông khẽ hỏi:

- Vậy con ra ngoài đó, có lần nào được gặp mặt (gặp) Cụ Hồ và Cụ Tôn không?

Trước mắt tôi, bỗng hiện lên hình ảnh của hai vị cha già.

Bác Hồ đã đi xa, về với thế giới người hiền mà vẫn còn ôm ấp trong tim hình ảnh của miền Nam thân yêu và lòng thiết tha mong muốn đến ngày kháng chiến thắng lợi hoàn toàn “sẽ đi khắp hai miền Nam, Bắc để chúc mừng đồng bào, cán bộ và chiến sĩ anh hùng, thăm hỏi các cụ phụ lão, các cháu thanh niên và nhi đồng yêu quý của chúng ta”². Bác từng nói một câu đã đi vào lịch sử: “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi”³. Còn Bác Tôn, người kế tục chức vụ

² Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd, t.12, tr. 506.

³ Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd, t.12, tr. 547

của Bác Hồ, chỉ 14 ngày sau khi Sài Gòn giải phóng, ngày 13-5-1975, đã dẫn đầu Đoàn đại biểu Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chính phủ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vào thành phố thân yêu thăm đồng bào miền Nam và dự lễ mừng chiến thắng vĩ đại của dân tộc.

Tôi nói với chú tôi: Đúng là ở ngoài đó, con có được vinh hạnh gặp Bác Hồ và Bác Tôn. Không phải chỉ trong các cuộc mít tinh hay hội nghị lớn mà cả trong những sinh hoạt bình dị nhất, những cuộc thăm hỏi, chuyện trò của hai Bác đối với cán bộ và nhân dân. Con đã được chụp ảnh chung với Bác Hồ khi Bác đến thăm Báo Nhân dân, được theo chân Bác trong một vài chuyến công tác có mặt và đưa tin về lần bỏ phiếu cuối cùng của Bác bầu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội... Con cũng đã được gặp, bắt tay và nghe chuyện Bác Tôn trong nhiều cuộc họp của Ủy ban Trung ương Mặt trận, được thăm Bác và cả Bác gái tại nhà riêng ở số 48 phố Tràng Thi...

Chú tôi nghe mà cảm thấy xiết bao tự hào. Dường như trong ông, mang máng một cái gì đó có liên quan đến vinh dự của dòng họ khi có người được trực tiếp “giáp mặt” với hai vị Chủ tịch nước đầu tiên của Nhà nước ta.

Lớp cán bộ chúng tôi, vào loại sinh sau đẻ muộn, bước vào con đường cách mạng khi Cách mạng Tháng Tám 1945 đã thành công. Ngày ấy, hai chữ “đồng chí” đồng nghĩa với hai chữ “đảng viên” hay người cộng sản, đối với chúng tôi là thiêng liêng lắm. Chúng tôi gọi những người đảng viên, cả lớp tiền bối lớn tuổi, đều là đồng chí. Hồi đó và mãi về sau này vẫn quen gọi là “Anh” những người lãnh đạo cao của Đảng, như anh Năm (Trường Chinh), anh Ba (Lê Duẩn), anh Tô (Phạm Văn Đồng)... Chỉ trừ hai người mà ngay từ đầu, tất cả đều gọi là Bác: Bác Hồ và Bác Tôn. Bác Tôn lớn hơn Bác Hồ hai tuổi, nhưng vẫn gọi Bác Hồ là Bác. Còn Bác Hồ thì vẫn gọi người chiến hữu gần gũi với mình là Bác Tôn, cả khi mời cơm riêng cũng dặn Bác Tôn đưa cả “Bác gái” cùng đi.

Tôi được nhìn thấy Bác Tôn sau ngày tập kết ra Bắc năm 1955. Tháng 9 năm đó, Bác Tôn được bầu làm Trưởng ban Thường trực Quốc hội (như Chủ tịch Quốc hội ngày nay) và là Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Thật ra, từ năm 1947, tại vùng tự do Liên khu V, khi tôi được kết nạp vào Đảng, cũng là lúc được biết rằng đồng chí Tôn Đức Thắng được cử làm Tổng Thanh tra của Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Tiếp các năm sau là các chức vụ: Trưởng ban Trung ương vận động thi đua ái quốc, Quyền Trưởng ban rồi Trưởng ban Thường trực Quốc hội, Chủ tịch Ủy ban Liên Việt toàn quốc... ấn tượng sâu sắc nhất đối với tôi về Bác Tôn là sau Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, Bác Tôn là một trong số sáu lãnh tụ được chính thức theo ảnh.

Ra Bắc, tôi được về công tác Báo Nhân dân tâm mắt ngày càng được mở rộng; tiểu sử các lãnh tụ cách mạng ngày càng được tìm hiểu sâu hơn. Lúc này với biết Bác Tôn từ năm 1910 đã tham gia phong trào đấu tranh của công nhân và năm 1912 là một trong những người tổ chức và lãnh đạo cuộc bãi công của học sinh Trường Bá Nghệ và của công nhân Xưởng Ba Son. Rồi cuối năm đó, một năm sau ngày Nguyễn Ái Quốc rời bến Nhà Rồng, Tôn Đức Thắng cũng trốn sang Pháp, làm thủy thủ tàu Lacoóc. Con người đó, đến năm 1916, bị động viên vào Hải quân Pháp, làm thợ máy. Năm sau, 1917 Cách mạng Tháng Mười Nga

nổ ra làm rung chuyển cả thế giới. Đế quốc Pháp hai lần cử hạm đội sang Nga để tham gia tộc chiến tranh can thiệp hòng bóp chết Chính quyền Xôviết non trẻ. Chúng có biết đâu rằng, chính hai lần can thiệp ấy lại là hai lần quân đội và Hải quân Pháp nổi dậy phản chiến, bày tỏ tình đoàn kết với giai cấp vô sản và nhân dân Nga. Và trong lần phản chiến thứ hai, vào một ngày tháng 4-1919, trên Chiến hạm France, một trong năm chiến hạm Pháp được lệnh tiến vào Biển Đen, người thủy thủ Tôn Đức Thắng, với tư cách một người công nhân Việt Nam ở một nước thuộc địa của Pháp đã dũng cảm tham gia cuộc phản chiến, và là người được phân công kéo lá cờ đỏ trên chiến hạm để chào mừng Nhà nước vô sản đầu tiên trong lịch sử loài người. Tự hào biết mấy !

Vinh quang này không chỉ cho riêng người thủy thủ Tôn Đức Thắng. Đó còn là dấu hiệu cho thấy ngay từ đầu, Việt Nam đã đứng bên cạnh nước Nga cách mạng, nước Nga Xôviết. Không phải ngẫu nhiên mà Bác Tôn được suy tôn làm Chủ tịch danh dự của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và là Hội trưởng đầu tiên của Hội Hữu nghị Việt Nam - Liên Xô. Cũng không phải ngẫu nhiên mà tháng 12-1955, Ủy ban Giải thưởng Hòa bình quốc tế Lênin của Liên Xô quyết định tặng Bác Tôn *Giải thưởng Lênin vì hòa bình và hữu nghị giữa các dân tộc*.

Một sự kiện làm nức lòng cả nhân dân ta, gợi lên sự tôn kính và cả niềm tự hào về sự cống hiến cao cả của các vị lãnh đạo cách mạng là ngày 19-8-1958, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã quyết định trao tặng Bác Tôn Đức Thắng *Huân chương Sao vàng*, nhân dịp Bác Tôn 70 tuổi.

Lớp trẻ chúng tôi cực kỳ xúc động khi nghe Bác Hồ nói lên lời chúc trong buổi lễ trao tặng Huân chương cho Bác Tôn:

“Đồng chí Tôn Đức Thắng là một người con rất ưu tú của Tổ quốc. Suốt 50 năm đã không ngừng hoạt động cách mạng. 17 năm bị thực dân Pháp cầm tù, 9 năm tham gia lãnh đạo kháng chiến, 4 năm phấn đấu để giữ gìn hòa bình thế giới và đấu tranh cho sự nghiệp thống nhất nước nhà.

Đồng chí Tôn Đức Thắng 70 tuổi nhưng rất trẻ, đối với Đảng, đồng chí là 29 tuổi; đối với nước Việt Nam độc lập, đồng chí là 13 tuổi”.

Bác Hồ nói thêm:

“Là một chiến sĩ cách mạng dân tộc và chiến sĩ cách mạng thế giới, đồng chí Tôn Đức Thắng là một trong những người Việt Nam đầu tiên đã tham gia đấu tranh bảo vệ Cách mạng Tháng Mười vĩ đại...”.

Và Người kết thúc lời chúc:

“Thay mặt nhân dân và Chính phủ, tôi trân trọng trao tặng đồng chí Tôn Đức Thắng *Huân chương Sao vàng* là huân chương cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mà đồng chí Tôn Đức Thắng là người đầu tiên và người rất xứng đáng được tặng thưởng Huân chương ấy”.

Mười năm sau, ngày chúc thọ Bác Tôn 80 tuổi, Bác Hồ ôm hôn thăm thiết Bác Tôn và tặng hai câu thơ:

*“Càng già chí khí càng dai,
Chống Mỹ, cứu nước ít ai hơn Già”.*

Bác Tôn lắng nghe mà lòng bồi hồi xúc động.

Bác Hồ và Bác Tôn là hai ngôi sao sáng chói trong bầu trời sao cách mạng Việt Nam, là hai hạt kim cương lấp lánh của nền đạo đức Việt Nam thời đại mới. Bác Hồ quý trọng Bác Tôn bao nhiêu thì Bác Tôn càng kính yêu và quý trọng Bác Hồ bấy nhiêu. Bác Tôn biết ơn Bác Hồ vì Bác Hồ là người đưa cả dân tộc ta thoát khỏi vòng nô lệ và cũng chính là người đưa Bác Tôn đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, chân lý của thời đại. Ở bất cứ đâu và trong bất cứ cuộc gặp mặt nào với cán bộ và nhân dân, Bác Tôn đều căn dặn phải hết lòng hết sức thực hiện những lời dạy của Bác Hồ. Ở nhiều đại hội hay hội nghị của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bác Tôn đều nhắc đến lời dạy mang tính chân lý lịch sử của Bác Hồ:

*“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết
Thành công, thành công, đại thành công”.*

Bác Tôn rất ít khi làm thơ. Nhưng trong những bài phát biểu quan trọng của mình, đôi khi Bác cũng chen vào một vài câu thơ mà gói được cả tinh thần bài nói. Tôi nhớ mãi “hình ảnh của Bác Tôn tại Hội nghị Quốc tế đoàn kết với nhân dân Việt Nam chống Mỹ, cứu nước tổ chức tại Hà Nội tháng 12-1964, thời điểm mà cuộc “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ đã phá sản và là đêm trước của cuộc “Chiến tranh cục bộ” do đế quốc Mỹ gây ra, bao gồm cả chiến tranh phá hoại ở miền Bắc. Tại Hội trường Ba Đình chật ních đại biểu quốc tế có mặt, Âu, Á có, Mỹ, Phi, Úc⁴ có, vị Phó Chủ tịch nước, người chiến sĩ Biển Đen năm xưa đã kết thúc bài phát biểu của mình trong tiếng tung hô vang dội với câu thơ thật giản dị mà cũng thật chí tình:

*“Nam Bắc hai miền chung đại nghĩa,
Năm châu bốn biển một gia đình”.*

Hai câu thơ ấy gợi nhớ hai câu thơ của Bác Hồ trong Lời chào mừng đại biểu các đảng anh em đến dự Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng ta năm 1960:

*“Quan sơn muôn dặm một như
Bốn phương vô sản đều là anh em!”*

Dù là Chủ tịch nước, Trưởng ban Thường trực Quốc hội hay Chủ tịch Mặt trận, Bác Tôn vẫn luôn luôn sống một cuộc sống khiêm tốn và giản dị, nhân từ và đức độ, trung thực và nghĩa tình khiến cho mọi lớp tuổi đều nhìn thấy ở Bác một người anh cả, một người cha, một người ông trong gia đình. Chúng ta đã nghe nói nhiều về những chuyện sinh hoạt bình thường của Bác mà cứ như nghe những câu chuyện huyền thoại. Bác được tin có người bạn tù cũ đang công tác ở Nông trường Lương Sơn (Hòa Bình), đã tự mình đến thăm mà không chờ bạn

⁴ Ôxtraylia

đến với mình, bởi Bác nghĩ có thể bạn bè thấy tôi làm Chủ tịch nước, họ ngại nên tôi phải đến gặp trước”. Bác dành một phần tiền lương hằng tháng của mình để nuôi con một cán bộ không may qua đời. Bác tự mình sửa chữa chiếc xe đạp hay chiếc radiô riêng của mình khi bị hỏng hóc. Bác tự tay chăm sóc người vợ hiền bị bệnh nặng trước lúc lâm chung. Thì giờ ngoài công việc, Bác thường dành cho công nhân, nông dân, cho những bạn bè, thân hữu, cho những đồng bào bị hoạn nạn trong chiến tranh. Năm 1957, Bác về thăm Nông trường Nam Bộ ở Quý Cao (Hải Phòng), Bác đến từng gia đình hỏi han việc làm ăn, sinh sống. Bác đến thăm một gia đình liệt sĩ, mẹ góa, bốn con côi. Cháu gái đầu lúc ấy còn nhỏ lắm, thấy có khách đến, đã chạy vào buồng ngủ để trốn. Bác Tôn vào tận nơi, xoa đầu và hỏi: “Ngó bộ mặt Bác xấu lắm nên cháu sợ phải không?”. Cô bé nhìn về đôn hậu của Bác, như thấy chính ông nội của mình bỗng khóc òa lên và ôm chầm lấy Ông. 25 năm sau, cô bé ấy trở thành một cán bộ khoa học - kỹ thuật, một nhà báo - nhà báo Nhật Minh được đến học ở Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc. Và chính ở đây, nhà báo đã cùng các bạn đồng học tổ chức kỷ niệm Ngày Chủ tịch Tôn Đức Thắng ký Sắc lệnh công bố Pháp lệnh về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Ai cũng nhìn thấy hình ảnh của Bác Tôn trong Pháp lệnh ấy.

Mười năm sau khi Bác Tôn qua đời, tôi có dịp hai lần về công tác ở An Giang và lần nào cũng được về thăm quê Bác ở Cù lao Ông Hổ. Ở đó, đã xây dựng một ngôi đền thờ Bác Tôn và Khu lưu niệm về Người. Đền thờ không lộng lẫy nhưng uy nghi và thân thiết. Cảnh quan thật là đẹp. Và nơi đây đã trở thành một danh thắng lịch sử và văn hóa, một địa danh du lịch. Đến đây, niềm xúc động lớn của mọi người là được thăm ngôi nhà gỗ đơn sơ, nơi Bác Tôn sinh ra và lớn lên. Nơi đây, đầu thế kỷ trước, Bác đã ra đi, rồi dần thân vào con đường cách mạng; và cũng nơi đây, Bác về thăm lại quê nhà lần cuối vào tháng 10-1975, khi miền Nam đã hoàn toàn giải phóng và Bác là Chủ tịch nước.

Ngày ấy, như chính những cháu con kể lại, Bác Tôn nói: “Hôm nay Đảng và Nhà nước cho phép tôi về thăm quê nhà. Chưa bao giờ tôi thấy sung sướng như lúc này, khi cả nước được độc lập, tự do, Bắc - Nam thống nhất”. Cũng ngày ấy, sau 45 phút gặp mặt bà con dòng họ tại ngôi nhà gỗ chưa kịp hàn huyên cho thỏa niềm mong ước, Bác đã phải “xin phép” giã từ bởi “còn đi lo việc nước”. Trong việc nước mà Bác Tôn nói, có việc chuẩn bị cho cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khóa VI, khóa mà Quốc hội thống nhất đã bầu lại Bác Tôn làm Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Hà Đăng –
*Nguyên Trợ lý Tổng Bí thư,
nguyên Ủy viên Trung ương Đảng,
nguyên Trưởng ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương.*

CỤ TÔN ĐÃ ĐỂ LẠI CHO CHÚNG TA “TÁC PHẨM CUỘC ĐỜI”

Ảnh hưởng của cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga đối với Việt Nam, trước hết qua hai người, người thứ nhất là Nguyễn Ái Quốc và người thứ hai là Tôn Đức Thắng.

Năm 1917, Nguyễn Ái Quốc lúc bấy giờ đang ở Paris. Tại đây, Nguyễn Ái Quốc nhận được những tin tức về Cách mạng Tháng Mười Nga, nhất là Người đã được chứng kiến những tình cảm của nhân dân Pháp đối với Cách mạng Tháng Mười Nga. Paris là một thành phố có nhiều truyền thống đấu tranh cho nên tình cảm của nhân dân Pháp đối với Nguyễn Ái Quốc là rất lớn. Ngoài Nguyễn Ái Quốc còn có nhiều người chịu ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười, nhưng có lẽ người chịu ảnh hưởng quan trọng nhất là Tôn Đức Thắng.

Tôn Đức Thắng không hoạt động ở Paris nhưng làm thợ máy trong Hải quân Pháp. Năm 1919, nước Nga có nội chiến, phe phản cách mạng tấn công chính quyền Xôviết non trẻ; đồng thời 14 nước đế quốc bên ngoài cũng hợp sức đánh vào. Trong số đó, đế quốc Pháp gửi một hạm đội đến Biển Đen phối hợp với phe phản cách mạng chống lại Cách mạng Tháng Mười Nga. Trong số những người lính Hải quân Pháp chịu ảnh hưởng Cách mạng Tháng Mười Nga có Tôn Đức Thắng. Họ có ý định cùng nhau phản chiến chống lại sự can thiệp của Pháp vào chính quyền Xôviết mới thành lập.

Khi hạm đội Pháp tiến vào Biển Đen, chuẩn bị đổ bộ, những người lính biểu lộ sự đồng tình với Cách mạng Tháng Mười Nga bằng cách kéo cờ phản chiến, đòi rút quân Pháp quay về và họ đã chọn Tôn Đức Thắng là người kéo cờ. Kéo cờ phản chiến là hành động rất dũng cảm, Tôn Đức Thắng là một con người dũng cảm vì Tôn Đức Thắng đã làm được điều đó. Trong quân đội và trước tình hình như thế, kéo cờ phản chiến là một tội rất nặng. Tôn Đức Thắng vẫn hăng hái thực hiện tốt nhiệm vụ, cho nên, hạm đội Pháp đã không can thiệp, không nổ súng, không đàn áp Cách mạng Tháng Mười Nga mà quay về Toulon - một hải cảng của Pháp ở Địa Trung Hải. Sau đó có nhiều người lính thủy đã bị Chính phủ Pháp xử tội.

Điều quan trọng ở đây là Tôn Đức Thắng, người Việt Nam đầu tiên ủng hộ Cách mạng Tháng Mười Nga bằng hành động cụ thể. Quan trọng hơn nữa và quan trọng nhất là Tôn Đức Thắng đã mang ảnh hưởng đó về Sài Gòn.

Khi tôi viết quyển *Sự hình thành của giai cấp công nhân* thì Bác Tôn có kể lại cho tôi nghe sự việc này và có bài viết trong sách.

Khi về đến Sài Gòn, Cụ Tôn tổ chức ra Công hội bí mật, không phải Công hội đỏ. Tôi có hỏi Cụ, Công hội được bao nhiêu người? Cụ nói: “Non già 300 người”. Không phải riêng ở Sài Gòn mà ở các tỉnh cũng có. Không phải chỉ có thành phần công nhân mà nông dân, học sinh cũng có.

Lần đầu tiên ở Sài Gòn có tổ chức cách mạng chịu ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười Nga chính là Công hội của Tôn Đức Thắng và cũng là một tổ chức đầu tiên của giai cấp công nhân Việt Nam, vì lúc bấy giờ các nơi khác chưa có. Người đầu tiên đề xướng thành lập ra tổ chức này là Cụ Tôn Đức Thắng.

Tôi bị bắt, ra tòa ở Sài Gòn và bị xử 5 năm tù vào cuối năm 1935. Với mức án như vậy thường thì không phải đi đầy, nhưng riêng tôi lại bị đi đầy ở Côn Đảo và cũng nhờ vậy tôi gặp Cụ Tôn năm 1935 ở đây.

Sau này gọi là “Cụ Tôn” chứ vào thời đó người ta gọi là “anh Hai Thắng”, ở trong tù không có danh xưng “cụ”, lớn hơn kêu bằng “anh”, nhỏ hơn kêu bằng “thằng”, Cụ Tôn gọi tôi là “thằng Giàu” hay “chú Giàu”.

Ra Côn Đảo tôi bị giam ở Banh I cùng với Cụ Tôn - khu giam tù chính trị khổ sai. Đồng chí Phạm Văn Đồng ở Banh II - khu giam tù chính trị, tù cấm cố.

Lúc đó, chúng tôi làm việc ở Sở Tẩy (không phải Sở Tái), là làm vệ sinh. Người cặp rặng - người cai quản chúng tôi là anh Hai Thắng, cặp rặng là người chỉ huy công việc, nếu chúng tôi làm sai thì bọn Pháp gõ anh cai (cặp rặng) chớ không gõ chúng tôi. Lúc đó tôi cũng mới được biết anh Hai Thắng làm cặp rặng Hamm xay lúa, rồi sau mới qua làm Sở Tẩy với chúng tôi.

Kể về người cặp rặng ở Hamm xay lúa tức anh Hai Thắng có rất nhiều huyền thoại. Hamm xay lúa là nhà chứ không phải hầm, có một cửa để vác lúa ra vào, tường bao bọc xung quanh nhưng không có cửa sổ, chỉ có cửa sổ trên mái nhà cao 4-5 thước để không khí lưu thông ra vào, sát phía bên dưới mái nhà có rào sắt. Ngôi nhà có diện tích khoảng 10 thước bề ngang hay hơn một chút, bên trong có để nhiều cối xay.

Tại sao bọn Tây lại đưa anh Hai đi làm cặp rặng Hamm xay lúa? Chỗ nào cũng có một người cai gọi là cặp rặng. Anh Hai làm cặp rặng, cai quản bốn, năm chục người xay lúa bên trong hầm. Chúng ta thử tưởng tượng, trong một căn nhà với diện tích như thế đặt 10-15 cối xay, xay âm ầm cả ngày, bao nhiêu khói bụi? Do không có cửa sổ nên khói bụi không có lối thoát ra ngoài, các tù phạm phải làm việc trong môi trường ngột ngạt, đặc ngột khói bụi như thế đấy! Chỉ những tù nhân với mức án khổ sai mới bị đưa vào Hamm xay lúa, bắt xay mỗi ngày mấy chục gia lúa, phải xay đủ số lượng nên người tù rất cực khổ. Đa số anh em tù không chịu nổi... Thường thì người tù thà chết chứ không ở lâu được trong hầm và cũng không chịu làm việc trong đó. Chúng nó bắt cặp rặng phải giao đủ số lượng lúa xay, cho nên người cặp rặng nào cũng vậy, phải hối thúc anh em tù làm việc vô điều kiện. Cũng chính vì vậy, vào một thời gian các cặp rặng cũng đều bị tù nhân dùng tay cối xay đánh cho chết. Họ hành động như vậy nhằm nhận thêm một tội giết người để có không khí thở trong thời gian bị đưa về Sài Gòn xử tội. “Giết một người chỉ để khỏi ở Hamm xay lúa thôi!”. Chúng nó rất muốn giết Cụ Tôn, nhưng không dùng chính tay chúng nó, mà mượn tay tù nhân giết bằng cách này, thật là nham hiểm.

Anh Hai Thắng là người cộng sản, anh Hai tích cực và biết tuyên truyền, vận dụng anh em; người ta ai cũng thương anh Hai. Anh Hai tuyên bố ai muốn xay bao nhiêu thì tùy sức chứ không buộc anh em xay đủ số. Anh Hai Thắng nói:

“Các anh muốn xay bao nhiêu thì xay, còn Tây nó đánh tôi, nó làm gì tôi, mặc kệ tôi”. Lúa xay không đủ buộc chúng phải thay cặp răng khác. Cuối cùng bọn Tây phải chuyển anh Hai Thắng qua làm cặp răng ở Sở Tẩy bên chúng tôi. Tôi biết anh Hai Thắng trong cơ hội đó.

Nhưng biết rõ nhất là vào hồi Mặt trận bình dân, anh Thắng còn ở trong khám. Đầu năm 1936, ngoài Côn Đảo có những cuộc đấu tranh của tù nhân đòi ân xá, đòi giảm bớt cực nhọc trong công việc làm rất mạnh. Những anh em tù thường phạm đấu tranh bị đánh đập. Chúng tôi là tù chính trị nhốt chung với họ cũng tham gia bãi công, bên kia bọn Tây đánh tù thường phạm, thường phạm kêu la, bên đây chúng tôi hưởng ứng. Cuối cùng chúng nó đem nhốt tất cả vào hầm không cho đi làm nữa. Tất cả bị giam chung ở Buồng 6, 7, 8, 9, 10. Tôi cùng bị giam chung với anh Hai Thắng ở Buồng 8, Tây nó đánh rất dữ. Tôi nhắc lại: Chúng nó vào khùng bố, đánh đập dã man ở Buồng 8, ngoài ra các Buồng 6, 7, 9, nhưng riêng Buồng 10 không bị chúng đánh đập, vì Buồng 10 giam nhóm Quốc dân Đảng. Tây nó đánh kinh khủng, từ 8 giờ hơn đánh cho đến 12 giờ. Cây mây cà đông là thứ mây lớn thường dùng để làm bàn ghế, ngoài Côn Đảo trên núi có sẵn. Chúng chặt ra mỗi cây một thước để đánh anh em tù.

Ban đầu chúng nó đem hai cần xé mây, đánh đòn chúng tôi vào một góc. Chúng nói: “Tụi bây kêu la phản đối thì tụi tao đập khi nào hết la thì thôi...”. Không phải chỉ vậy, chúng đánh đến khi nào hết cần xé mây thì mới thôi. Mỗi thằng cầm một cây đánh cho tới khi dập nát cây mây này thì lấy cây khác cứ thế... hết thấy bốn cần xé.

Tôi nhớ, anh em chúng tôi trẻ hơn, anh Hai Thắng lớn tuổi nhất, lúc chúng nó đánh đòn chúng tôi vào một góc thì chúng tôi để anh Hai Thắng nằm sát ở dưới để che đòn cho anh. Chúng tôi ở hai - ba lớp bên ngoài đưa lưng ra cho nó đánh, anh Hai Thắng cũng bị đánh, nhưng không bị bẻ lưng. Sau những trận đòn như thế anh em trẻ chúng tôi thì bầm nát hết cả lưng, không còn chỗ nào không u lên, bầm thâm đen cả người...

Những cuộc đấu tranh mà chúng tôi bảo vệ Cụ Tôn, ai cũng bị đánh cả, trong số đó có cả Lê Đức Thọ, Nguyễn Duy Trinh... Còn tôi biết tiếng Tây ra nói với chúng nó, nó lại đánh càng dữ nữa. Sau vụ này, chúng nhốt hết tù chính trị, chỉ cho tù thường phạm đi làm và cho ra ăn cơm.

Thời kỳ Mặt trận bình dân, Chính phủ Pháp thả phần lớn anh em tù được ân xá. Tôi được chúng nó đưa về Sài Gòn, chỉ là thay đổi chỗ ở chứ không được ân xá. Cụ Tôn và Phạm Hùng không được về đất liền. Thời kỳ ở Côn Đảo được sống chung với Cụ Tôn, với tôi đầy ắp những kỷ niệm khó quên.

Về sau này, tôi có điều kiện nhiều lần đến thăm Cụ Tôn ở Hà Nội và tôi phát hiện ra một điều đặc biệt là trong vườn bao giờ cũng có một chỗ để Cụ sửa xe, hình như Cụ “ghiền” máy móc thì phải, xe đạp của con cháu hư hỏng thì Cụ Tôn tự sửa. Là Phó Chủ tịch nước mà Cụ Tôn thật bình dị. Cụ thường mặc chiếc áo nâu và việc ăn uống của Cụ cũng bình thường. Khi tôi đến thăm Cụ Tôn thì vào cửa sau, mà khi ra về bao giờ Cụ Tôn cũng đưa ra tận cửa chính.

Cụ Tôn khi là Phó Chủ tịch mà tôi vẫn thấy Cụ cười xe đạp. Có lần anh Tô Ký thấy Cụ mặc áo nâu và chỉ thường mặc áo nâu thôi liền nói: “Nếu khi nào Cụ chết mà khâm liệm Cụ mặc áo nâu thì tui tôi đi đưa, mà thấy Cụ mặc áo lụa thì tui tôi kéo dĩa”. Cụ sống hết sức giản dị như vậy đó.

Trước khi về Hà Nội, tôi có gặp Cụ rất nhiều lần ở An toàn khu, tôi còn giữ một tấm hình chụp chung với Cụ. Tôi và anh Bảy ngồi với nhau, trên một thân cây, gần đồng lửa. Tôi chỉ có một lần chụp hình chung với Cụ thôi.

Tôi cho rằng, đời của Cụ Tôn giản dị đến thế thì cần phải có những bài viết hay để nêu lên được tấm gương giản dị của Cụ. Làm nhiều, nói ít, không đòi hỏi gì về vật chất, thương anh em, nhất là đồng bào Nam Bộ tập kết ra Bắc, đó là những tấm gương sáng của Cụ Tôn. Rất nhiều người biết đến Cụ Tôn, không phải riêng gì mình tôi biết điều đó.

Cụ Tôn không phải là một nhà lý luận mà là người tiên phong cách mạng, người mà cả cuộc đời giành cho giải phóng giai cấp công nhân và giải phóng dân tộc.

Cụ Tôn ở Côn Đảo 15 năm, khi về không ghé ngang nhà thăm Cụ bà ở Chợ Giữa (Vĩnh Kim - Mỹ Tho), nghĩa là đứng về phương diện đặt quốc gia và nhân dân lên trên gia đình thì tinh thần vì nước vì dân của Cụ Tôn còn hơn vua Thuần Bàu.

Cụ Tôn Đức Thắng là người không viết sách. Trên đời lắm người, lắm nhân vật không viết một quyển sách nào mà người đời vẫn nhắc nhở luôn về con người ấy, nhân vật ấy. Các thế hệ sau luôn nhắc đến cuộc đời hoạt động, lịch sử đấu tranh của nhân vật ấy, chứ nhân vật ấy không nhất thiết phải viết ra cuộc đời của mình, tính cách của mình. Cụ Tôn khác với những nhân vật khác ở chỗ, Cụ không có một tác phẩm nào cả, có chăng là chúng ta ghi lại những điều Cụ nói thôi. Tuy nhiên, theo tôi, có thể nói tác phẩm hay nhất của Cụ chính là cuộc đời của Cụ. Cụ Tôn là một người hành động, một người có lẽ không có ý gì muốn để lại cho đời sau bằng tác phẩm của mình. Nhưng thực tế Người đã để lại cho đời sau chúng ta rất nhiều “tác phẩm” bằng hành động, bằng việc làm và những lời nói. Đó là những tác phẩm hay hơn nhiều những bài viết!

Giáo sư Sử học: Trần Văn Giàu

CÔNG HIẾN CỦA ĐỒNG CHÍ TÔN ĐỨC THẮNG TRONG CUỘC VẬN ĐỘNG THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Quy luật của quá trình vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam là: “Chủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước”. Trong quá trình vận động thành lập Đảng, sự phát triển của phong trào công nhân Việt Nam chẳng những là một nhân tố quan trọng mà có ý nghĩa quyết định tới tính chất, bản chất giai cấp công nhân của Đảng.

Tôn Đức Thắng là một trong những đồng chí có vai trò to lớn trong việc thúc đẩy phong trào công nhân Việt Nam đầu thế kỷ XX phát triển dần từ tự phát lên tự giác gắn liền với quá trình phân đấu và chuẩn bị những điều kiện cần thiết để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời và phát triển mạnh từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX gắn liền với các chương trình khai thác thuộc địa của tư bản thực dân Pháp ở Đông Dương. Trước khi Chiến tranh thế giới thứ nhất nổ ra (năm 1914), giai cấp công nhân Việt Nam đã có khoảng trên 100.000 người thuộc các ngành sửa chữa cơ khí, giao thông, khai thác mỏ, đồn điền. Dưới ách thống trị của chế độ thực dân của tư bản Pháp, giai cấp công nhân Việt Nam cũng như các giai cấp, tầng lớp khác trong dân tộc là người dân mất nước đồng thời bị tư bản Pháp và tư bản bản xứ bóc lột nặng nề sức lao động áp bức và bóc lột đã sớm thúc đẩy giai cấp công nhân Việt Nam đứng lên đấu tranh. Các hình thức đấu tranh cũng từ thấp tới cao. Từ phản ứng tức thời, đập phá máy móc đến bãi công, từ đấu tranh kinh tế đến đấu tranh chính trị, vì mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

Tôn Đức Thắng là người sớm bước vào hàng ngũ những người làm thợ và tham gia phong trào công nhân Việt Nam. Ông sinh ngày 20-8-1888 tại Mỹ Hòa Hưng, tổng Định Thành, Long Xuyên (nay là An Giang). Năm 1906, ông lên Sài Gòn làm công nhân. Năm 1910, Tôn Đức Thắng làm thợ trong xưởng máy của Hải quân Pháp tại Sài Gòn. Năm 1912, tham gia lãnh đạo cuộc bãi công của học sinh Trường Bá Nghệ và Xưởng Ba Son.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga (7-11-1917) đã dẫn tới thành lập Nhà nước công nông cách mạng đầu tiên trên thế giới - nước Nga Xôviết. Cuộc cách mạng vĩ đại đó đã mở ra thời đại mới của lịch sử nhân loại - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Với ý đồ thủ tiêu thành quả của Cách mạng Tháng Mười Nga, tiêu diệt chính quyền Xôviết Nga non trẻ 14 nước đế quốc (trong đó có Pháp) đã phát động chiến tranh can thiệp, xâm lược nhằm vào nước Nga. Thực hiện ý đồ đó, xuất phát từ cảng Toulon, ngày 16-4-1919, nhiều tàu chiến của hạm đội Pháp đã tiến vào Hắc Hải (Biển Đen) chuẩn bị tiến công Xêvaxtôpôn. Nhưng ngày 19-4 binh lính và thủy thủ của Chiến hạm France đã phản chiến, chống lại lệnh chiến đấu của chỉ huy. Khẩu hiệu họ nêu ra là “Không chiến tranh với nước Nga ! quay

về Toulon !”. Người thủy thủ Tôn Đức Thắng trên Chiến hạm đó đã tham gia phản chiến và là người đã kéo lá cờ đỏ để phản đối chiến tranh can thiệp chống nước Nga Xôviết. Ngày 20-4-1919 phong trào phản chiến lan rộng toàn hạm đội buộc chỉ huy phải điều hạm đội trở về căn cứ. Việc Tôn Đức Thắng tham gia cuộc phản chiến Hắc Hải là sự kiện lịch sử có ý nghĩa đặc biệt, thể hiện sự ủng hộ của những người Việt Nam yêu nước đối với cách mạng Nga và cũng cho thấy ảnh hưởng lớn lao của Cách mạng Tháng Mười với cách mạng thế giới.

Có gì thống nhất ở hai sự kiện lịch sử trong buổi đầu của sự nghiệp hoạt động của Tôn Đức Thắng: Tham gia bãi công của học sinh Trường Bá Nghệ và công nhân Xưởng Ba Son ở Sài Gòn năm 1912 và cuộc phản chiến lịch sử ngày 20-4-1919 ở Hắc Hải. Điểm chung ấy là Tôn Đức Thắng đấu tranh với tư cách một người thợ và đều chống lại sự xâm lược của chủ nghĩa đế quốc đối với các dân tộc yêu tự do. Điều cần nhấn mạnh là khi tham gia cuộc phản chiến ở Hắc Hải ủng hộ nước Nga Xôviết, thái độ, ý thức chính trị của Tôn Đức Thắng đã được khẳng định rõ mà cuộc đấu tranh bảy năm trước đó ở Sài Gòn mới chỉ là bắt đầu. Cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi năm 1917, nhưng ở châu Âu và ở nước Pháp tin tức về cuộc Cách mạng này bị các thế lực tư bản bưng bít, người ta còn hiểu quá ít về cuộc cách mạng này. Đặt trong điều kiện như thế càng thấy nổi bật lên ý nghĩa của cuộc phản chiến lịch sử mà Tôn Đức Thắng đã tham gia. Có thể coi đây như sự phát triển quan trọng trong tư tưởng chính trị của Tôn Đức Thắng, hướng về tư tưởng, lý tưởng của Cách mạng Tháng Mười Nga.

Sau sự kiện Hắc Hải, năm 1920 Tôn Đức Thắng về nước tiếp tục cuộc đời người thợ. Ông là người bí mật đứng ra thành lập tổ chức Công hội đầu tiên tại Sài Gòn - Chợ Lớn.

Năm 1920, có một cuộc đấu tranh ở Sài Gòn rất đáng chú ý. Đó là cuộc bãi công của thủy thủ các tàu biển của Pháp đậu tại bến cảng Sài Gòn nổ ra ngày 8-3-1920 với 226 thủy thủ tham gia. Cuộc bãi công kéo dài đến ngày 18-3. Giới chủ của tám tàu biển của Pháp đã đuổi các thủy thủ lên bờ. Cuộc bãi công này đã được sự ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân Sài Gòn, nhất là giới viên chức và lao động. Theo tác giả Dương Trung Quốc: Hội những viên chức Sở Bưu điện Sài Gòn đã quyên tiền ủng hộ những người đấu tranh. Một “Ủy ban tổ chức Bữa cháo cộng sản” (Comité de la Soupe Communiste) được thành lập lo giúp đỡ việc ăn uống cho những thủy thủ bãi công. Ngày 13-3 những người bãi công đã tổ chức mít tinh cảm ơn những người ủng hộ họ và hô vang các khẩu hiệu: “Sự giải phóng người lao động do người lao động muôn năm”, “Tổng công hội muôn năm”. Đó là cuộc đấu tranh với nội dung và khẩu hiệu cách mạng mới mẻ làm người ta nghĩ tới vai trò của Công hội, một tổ chức của giai cấp công nhân.

Trong những năm 20 của thế kỷ XX thông qua hoạt động của Nguyễn Ái Quốc, nhất là qua các báo *Người cùng khổ*, *Việt Nam hồn* và các sách báo cách mạng được đưa về nước, giai cấp công nhân và phong trào công nhân Việt Nam bắt đầu được tiếp nhận ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười và chủ nghĩa Mác - Lênin. Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân phát triển mạnh mẽ trên cả nước như ở Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Hồng Gai, Sài Gòn - Chợ Lớn. Đặc biệt là cuộc bãi công của 600 công nhân thợ nhuộm ở Chợ Lớn tháng 11-1922.

Nguyễn Ái Quốc trong tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* đã đánh giá cao cuộc bãi công đó, coi đó là dấu hiệu mới của thời đại. Người cho rằng “Khắp nơi giai cấp công nhân cũng bắt đầu giác ngộ về lực lượng và giá trị của mình”.

Phong trào công nhân Việt Nam có bước phát triển mạnh mẽ trong năm 1925. Nhiều cuộc bãi công có quy mô lớn đã nổ ra một cách có tổ chức và có sự lãnh đạo, chỉ đạo. Trong số đó phải kể đến cuộc bãi công của gần 1.000 công nhân Xưởng Ba Son (Sài Gòn) tháng 8-1925 gắn liền với vai trò tổ chức của Tôn Đức Thắng. Xưởng Ba Son là cơ sở chuyên đóng và sửa chữa tàu thủy lớn nhất của thực dân Pháp ở Việt Nam, được thành lập năm 1864.

Ngày 4-8-1925, cuộc bãi công nổ ra với mục đích nhằm giữ lại chiếc tàu Michelet đang được sửa chữa ở Xưởng Ba Son, không cho Pháp dùng tàu này chở binh lính sang đàn áp cách mạng Trung Quốc. Cuộc bãi công cũng nêu yêu sách đòi tăng lương 20%, đòi những người thợ bị đuổi được trở lại làm việc. Ban lãnh đạo Công hội đã vận động công nhân viên chức các nhà máy khác trong thành phố ủng hộ công nhân Ba Son. Ngày 12-8, cuộc bãi công của công nhân Ba Son đã giành thắng lợi. Giới chủ phải chấp nhận tăng lương 10% cho công nhân và thỏa mãn các yêu sách khác. Công nhân trở lại làm việc nhưng vẫn lãn công, làm cho việc sửa chữa tàu Michelet kéo dài đến 28-11-1925 mới xong và tàu đó không thể tham gia chở quân đi đàn áp cuộc đấu tranh của công nhân và thủy thủ ở Trung Quốc. Đây là cuộc đấu tranh điển hình và tiêu biểu cho phong trào công nhân Việt Nam thể hiện rõ vai trò lãnh đạo của tổ chức Công đoàn do Tôn Đức Thắng lập ra. Cuộc đấu tranh không chỉ với mục tiêu kinh tế mà còn có mục tiêu chính trị rõ rệt. Cuộc đấu tranh cũng ghi nhận tinh thần quốc tế vô sản của giai cấp công nhân Việt Nam. Với cuộc bãi công Ba Son thắng lợi đánh dấu mốc phát triển rất quan trọng của phong trào công nhân Việt Nam: Giai cấp công nhân đấu tranh có tổ chức và có mục đích chính trị rõ ràng.

Người thủy thủ Tôn Đức Thắng tham gia phản chiến ở Hắc Hải ủng hộ nước Nga Xôviết năm 1919 và người thợ, người lãnh đạo Công hội, lãnh đạo cuộc bãi công của công nhân Ba Son năm 1925 ủng hộ công nhân Trung Quốc có một điểm tiêu biểu: Tinh thần quốc tế vô sản cao cả. Giai cấp công nhân mang bản chất quốc tế. Tôn Đức Thắng đã thấm nhuần sâu sắc điều đó.

Từ khi về nước năm 1920 và suốt những năm 1920, Tôn Đức Thắng đã có cống hiến lớn lao thúc đẩy sự phát triển của phong trào công nhân Sài Gòn nói riêng và phong trào công nhân Việt Nam nói chung. Sự phát triển về mục tiêu đấu tranh vì giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp. Đó là cơ sở xã hội cực kỳ quan trọng để tiếp thu lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin dẫn tới sự ra đời của Đảng Cộng sản.

Tháng 6-1925, tại Quảng Châu, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên - một tổ chức yêu nước, cách mạng để phát triển thành Đảng Cộng sản, tổ chức tiền thân của Đảng. Ở trong nước Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã phát triển nhanh chóng về tổ chức ở khắp Bắc, Trung, Nam. Tôn Đức Thắng đã sớm tham gia tổ chức này. Năm 1927, Tôn Đức Thắng được cử vào Ban Chấp hành Kỳ bộ Nam Kỳ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và tích cực tham gia lãnh đạo phong trào cách mạng ở Nam Kỳ.

Giữa năm 1929, nhân sự kiện xảy ra vụ án tại ngôi nhà số 7, đường Barbier Sài Gòn (nay là phố Lý Trần Quán, thành phố Hồ Chí Minh) nhà cầm quyền thực dân Pháp đã khủng bố, bắt bớ và đưa ra xét xử một số đồng chí của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Trong số đó đồng chí Tôn Đức Thắng bị kết án tù khổ sai 20 năm. Năm 1930, Tôn Đức Thắng bị đày ra Côn Đảo.

Sự thành lập Đảng Cộng sản ở Việt Nam cần phải có những điều kiện nhất định. Đó là sự phát triển mạnh mẽ của phong trào công nhân và phong trào yêu nước đòi hỏi phải có đảng cách mạng thực sự là đội tiên phong của phong trào. Phong trào công nhân và phong trào yêu nước phải được lý luận cách mạng soi sáng, có được đường lối chính trị đúng đắn hướng dẫn và phải từng bước hình thành và phát triển về tổ chức và đội ngũ cán bộ. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và các chiến sĩ cách mạng tiền bối đã thực hiện sứ mệnh lịch sử là chuẩn bị tích cực các điều kiện đó, thúc đẩy các điều kiện đó chín muồi để đi đến thành lập Đảng.

Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ngày càng phát triển mạnh mẽ về tổ chức và lực lượng, trong năm 1929 từ tổ chức này đã dẫn tới thành lập các tổ chức cộng sản: Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng.

Có thể thấy rất rõ vai trò của Tôn Đức Thắng với tư cách là một công nhân thực thụ đã tích cực tham gia đấu tranh và thúc đẩy phong trào công nhân phát triển. Với tư cách là người tổ chức và lãnh đạo Công hội - một tổ chức của giai cấp công nhân và phong trào công nhân - Tôn Đức Thắng đã làm cho các cuộc đấu tranh đó phát triển từ đấu tranh vì mục đích kinh tế đến mục đích chính trị, phát triển từ tự phát chuyển dần lên tự giác, có tổ chức và mục tiêu rõ ràng. Với tư cách là một người lãnh đạo của Kỳ bộ Nam Kỳ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, người công nhân cách mạng yêu nước Tôn Đức Thắng đã đóng góp quan trọng vào quá trình xây dựng và phát triển tổ chức tiền thân của Đảng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc sáng lập và do đó trên thực tế hành động cũng như trong nhận thức đã góp phần thúc đẩy nhanh quá trình thành lập Đảng Cộng sản ở Việt Nam.

Khoảng thời gian 10 năm từ khi về nước (năm 1920) đến khi bị thực dân Pháp bắt đày ra Côn Đảo (năm 1930), Tôn Đức Thắng đã hoạt động liên tục trong phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân, xây dựng tổ chức Công hội (Công đoàn). Từ một công nhân thực thụ trở thành người lãnh đạo Công hội, trở thành nhà hoạt động cách mạng, đó là nét nổi bật của sự nghiệp Tôn Đức Thắng trong thời kỳ này. Đó là chặng đường đáng ghi nhớ trong cuộc đời hoạt động của Tôn Đức Thắng và cũng là chặng đường Nguyễn Ái Quốc và các đồng chí của Người chuẩn bị những điều kiện cho sự ra đời của Đảng. Đó là 10 năm đáng ghi nhớ của thế kỷ XX.

Năm 1911, Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước. Năm 1916, Tôn Đức Thắng cũng rời Sài Gòn sang Pháp. Năm 1919, Nguyễn Ái Quốc gửi yêu sách tám điểm tới Hội nghị Versailles còn Tôn Đức Thắng tham gia phản chiến ở Hắc Hải. Năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đón nhận *Đề cương thảo luận về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin* và trở thành người cộng sản đầu tiên của Việt Nam, Tôn Đức Thắng từ Pháp trở về nước hoạt động trong phong trào công nhân. Năm 1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh

niên còn Tôn Đức Thắng lãnh đạo cuộc bãi công của công nhân Xưởng Ba Son (Sài Gòn). Năm 1929, Nguyễn Ái Quốc bị tòa án Nam Triều kết án tử hình vắng mặt còn Tôn Đức Thắng bị thực dân Pháp bắt sau đó đày ra Côn Đảo. Phải chăng sự trùng hợp của những tháng năm trong cuộc đời hoạt động của hai người con ưu tú của dân tộc trong thời kỳ xây dựng Đảng đã như báo trước sự gắn bó giữa Bác Hồ và Bác Tôn của thời kỳ Đảng lãnh đạo chính quyền sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, mà hình ảnh hai vị Chủ tịch nước mãi mãi in đậm trong tình cảm của toàn Đảng, toàn dân ta với sự tôn kính cao nhất.

Nguyễn Trọng Phúc -

PGS.TS, nguyên Viện trưởng Viện Lịch sử Đảng.